

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2018

NỘI DUNG

04 THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

06 THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

07 PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung.
2. Tầm nhìn – sứ mệnh.
3. Quá trình hình thành và phát triển.
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
5. Mô hình hoạt động Công ty.
6. Giới thiệu Ban quản trị Công ty.

20 PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
3. Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.
4. Các rủi ro.

24 PHẦN 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Hoạt động tiếp thị và nghiên cứu phát triển.
4. Hoạt động đảm bảo và kiểm tra chất lượng.
5. Hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
6. Công tác thi đua khen thưởng năm 2017.
7. Công tác tài chính kế toán.

II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

35 PHẦN 4. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Báo cáo môi trường.
2. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường.
3. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.
4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

46

PHẦN 5. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông.
3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.
4. Phương hướng hoạt động năm 2017 của BKS.
5. Kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2017.

48

PHẦN 6. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty.
3. Định hướng phát triển của HĐQT.

51

PHẦN 7. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.
3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT.
4. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành.
5. Các Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị.
6. Đào tạo về quản trị Công ty.
7. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành.
8. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan.
9. Giao dịch với các bên liên quan.
10. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.
11. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

60

PHẦN 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đường link Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi quý vị cổ đông,

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Những biện pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dần phát huy hiệu quả, tình hình vĩ mô được giữ ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát. Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất, cung - cầu của nền kinh tế cùng song hành phát triển. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 cũng là mức tăng cao nhất 10 năm qua.

Tốc độ tăng trưởng của thị trường được đã chậm lại trong năm 2018 sau giai đoạn bùng nổ và điều này gây tác động không nhỏ cho các doanh nghiệp dược, tính đến cuối năm, nhiều công ty lớn trong ngành có công bố mức tăng trưởng không như kỳ vọng, biên lợi nhuận giảm... cho thấy một năm khó khăn chung của toàn ngành.

Năm 2018 là một năm nhiều áp lực đối với Pharmedic trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt từ các công ty trong ngành dược, giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến, trong khi các Thông tư đầu thầu sau thời gian dài sửa đổi vẫn chưa chính thức ban hành như kỳ vọng. Việc thực hiện để đạt các chỉ tiêu doanh thu - lợi nhuận theo kế hoạch đề ra đã là nhiệm vụ khó khăn chung cho các doanh nghiệp dược, hoàn thành vượt mức kế hoạch để đạt mức tăng trưởng như những năm gần đây là bài toán còn khó khăn hơn. Pharmedic với những nỗ lực của mình vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định vượt kế hoạch năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. **Tổng doanh thu năm 2018 đạt 462,985 tỷ đồng, vượt 5,91%** so với năm 2017, trong đó doanh thu thuần tăng 5,81%; **lợi nhuận sau thuế đạt 73,649 tỷ đồng, tăng 1,25%** so với năm 2017. Năm 2018, Pharmedic tiếp tục thực hiện nhiều chính sách, chương trình hướng tới sự phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích các bên liên quan như cổ đông - người lao động - khách hàng - xã hội.

Nhìn lại chặng đường đã qua, PMC tuy chưa phải là một công ty có quy mô quá lớn nhưng đã xây dựng được thương hiệu uy tín trên thị trường dược cũng như niềm tin trong lòng người tiêu dùng hàng chục năm qua. Có được thành công đó là bởi ban lãnh đạo công ty đã chú trọng đến chất lượng sản phẩm, giá thành hợp lý, sản xuất kinh doanh với cái tâm của người thầy thuốc. Điều này không phải doanh nghiệp nào cũng có thể làm được.

Có thể nói, năm 2018 là năm khép lại một chặng đường nhiều thử thách với PMC, nhưng là một cái kết tốt đẹp để chinh phục những mục tiêu thách thức hơn trong những năm tiếp theo. PMC với chiến lược “sức khỏe và niềm tin” – một chiến lược phát triển bền vững gắn hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Một nền tảng tài chính vững mạnh và minh bạch, một nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

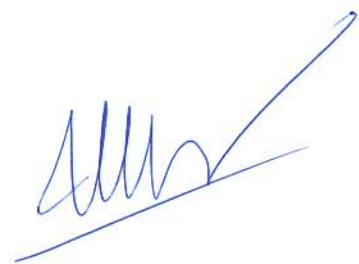
Để có thành quả như ngày hôm nay là nhờ lao động đầy cố gắng của toàn đội ngũ. Chúng tôi ghi nhận những giá trị đóng góp của toàn thể người lao động, đã đóng góp công sức, lòng nhiệt huyết của mình cho công ty, góp phần xây dựng con thuyền Pharmedic vững mạnh vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đi tới thành công.

Năm 2019 được dự báo tiếp tục có nhiều khó khăn và thách thức đối với ngành dược, nhưng với tinh thần đổi mới, đoàn kết và quyết liệt của tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người lao động, **Pharmedic vẫn xây dựng kế hoạch với tổng doanh thu 466,6 tỷ và lợi nhuận trước thuế 91 tỷ**. Pharmedic tiếp tục phân đầu nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp, hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh và thương hiệu của Công ty trên thị trường hướng tới việc quản trị công ty minh bạch và vững mạnh hơn với uy tín và chất lượng hàng đầu sẽ là nền tảng tốt để thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Để đạt được những mục tiêu trong năm 2019 và phát triển hoạt động kinh doanh cho những năm sắp tới, đòi hỏi cần sự nỗ lực, hợp tác, chia sẻ cơ hội để cùng phát triển từ các bên liên quan, quan trọng nhất là các khách hàng đã và luôn ủng hộ cho PMC chúng tôi trong suốt tiến trình phát triển hoạt động kinh doanh của mình.

Một lần nữa, chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, cổ đông và các cơ quan quản lý nhà nước đã tích cực hỗ trợ, đóng góp, tin tưởng Pharmedic trong những năm qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tích cực của Quý vị trong thời gian tới. Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành và đội ngũ CBCNV Pharmedic quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch năm 2019 để xứng đáng với niềm tin của cổ đông, đối tác, khách hàng và cộng đồng xã hội. Với sự đoàn kết và đồng lòng quyết tâm, Pharmedic sẽ thực hiện thành công kế hoạch được giao, giữ vững thương hiệu Pharmedic.



Đs. Trần Việt Trung
Tổng giám đốc



Ths. Lê Việt Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	2014	2015	2016	2017	2018
Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ VND)					
Doanh thu thuần	363,476	387,659	413,937	429,602	454,572
Lợi nhuận gộp	162,816	165,559	180,903	179,856	177,473
Lợi nhuận trước thuế	80,212	82,611	92,900	91,516	92,039
Lợi nhuận sau thuế	62,329	63,923	73,932	72,737	73,649
Bảng cân đối kế toán (Tỷ VND)					
Tổng tài sản	234,303	261,275	296,991	332,446	354,515
Vốn điều lệ	93,326	93,326	93,326	93,326	93,326
Vốn chủ sở hữu	181,994	206,210	238,334	268,754	300,145
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản					
ROS	17%	16,5%	17,9%	16,9%	16,2%
ROA	28%	26%	26,5%	23,11%	21,44%
ROE	37%	33%	33,3%	28,7%	25,9%
Cổ phiếu					
Số cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573	9.332.573	9.332.573	9.332.573	9.332.573
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu					
- VND	6.679	5.000	5.783	5.690	5.761
Cổ tức - VND	2.400	2.400	2.400	2.400	2.400

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung

- Tên Công ty : Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
- Tên Tiếng Anh : Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Pharmedic JSC
- Mã cổ phiếu : PMC
- Giấy CNĐKDN số : 0300483037 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 1997 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 5 năm 2015.
- Vốn điều lệ : 93.325.730.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu : 300.144.981.889 đồng (tại 31/12/2018)
- Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại : (84-28) 38 375 300 – 39 200 300
- Fax : (84-28) 39 200 096
- Email : pharmedic@vnn.vn
- Website : www.pharmedic.com.vn

2. Tầm nhìn – sứ mệnh

Tầm nhìn: Là một trong những công ty dược vững mạnh mang đến “Sức khỏe & niềm tin” cho mọi người và xã hội, đồng hành cùng với sự phát triển của cộng đồng.

Sứ mệnh: PMC cam kết luôn cung cấp cho cộng đồng các sản phẩm chất lượng cao chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả. Luôn hướng tới sự hài lòng và niềm tin của khách hàng bằng chính tâm huyết, sự trân trọng và trách nhiệm.

Giá trị cốt lõi:

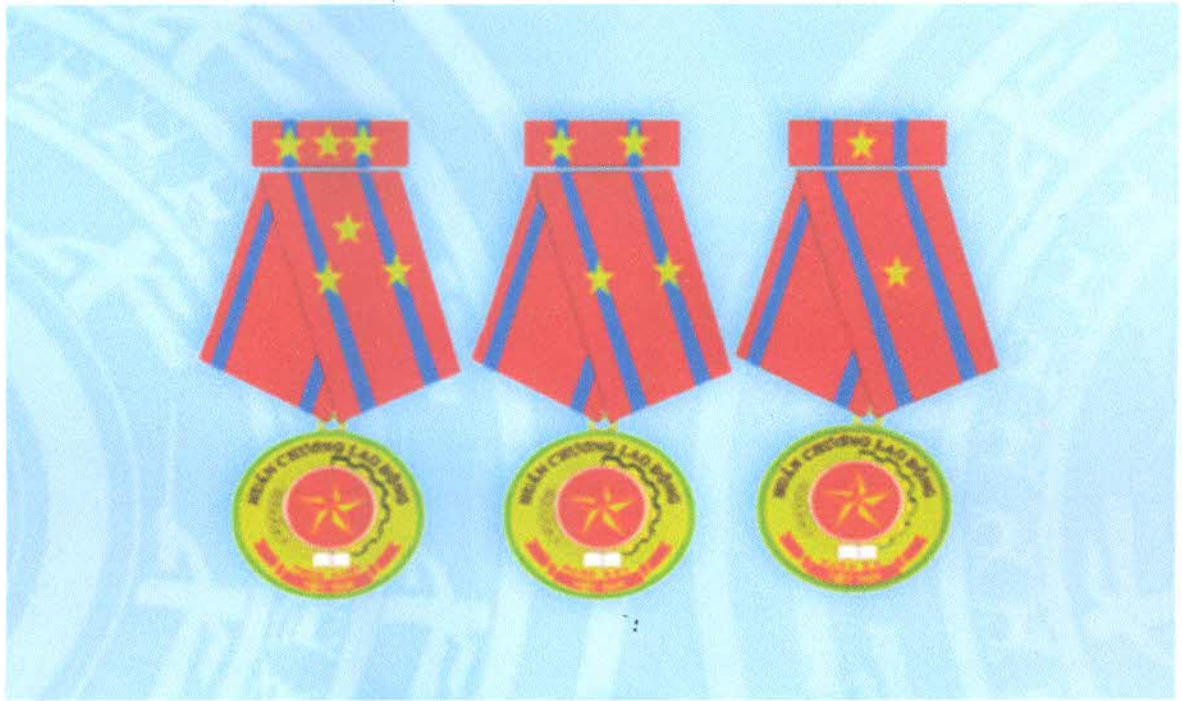
Chất lượng: Chất lượng – an toàn – hiệu quả là ba tiêu chí hàng đầu tạo nên sự tồn tại lâu dài của công ty.

Đạo đức nghề nghiệp: là sản phẩm quan trọng nhất của nhân viên, đề cao sức khỏe và an toàn của người bệnh. Pharmedic luôn đề cao trách nhiệm xã hội, tạo ra giá trị cho cộng đồng cũng chính là tạo ra sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Uy tín: xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư là quan trọng nhất của công ty, luôn duy trì và phát triển mối quan hệ với các đối tác trên cơ sở bình đẳng, lành mạnh, tuân thủ pháp luật và cùng phát triển.

3. Quá trình hình thành và phát triển

- 1981** Tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Trục dụng Y tế PHARIMEX được thành lập theo quyết định số 126/QĐ-UB ngày 30/06/1981 của UBND Thành Phố Hồ Chí Minh. Đây là một Công ty Công tư Hợp doanh đầu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh và của cả nước có huy động vốn của quần chúng (chủ yếu là của cán bộ công nhân viên ngành Y tế) và hoạt động theo cơ chế Công ty Cổ phần trong đó vốn Nhà nước 50% và tư nhân 50%. Hiện nay là Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu PHARMEDIC.
- 1983** Sau gần hai năm hoạt động, do sự sắp xếp lại ngành Ngoại thương của Thành phố Hồ Chí Minh lúc đó, Công ty PHARIMEX đã phải chuyển thể thành Xí nghiệp Công tư Hợp doanh Dược phẩm Dược liệu theo Quyết định số 151/QĐ-UB ngày 24/09/1983 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1997** Theo chủ trương của Chính phủ, Xí nghiệp đã được chuyển thể thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu PHARMEDIC theo Quyết định số 4261/QĐ-UB ngày 13/08/1997. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064075 đăng ký lần đầu ngày 09/12/1997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 13.068.456.012 đồng, trong đó phần vốn Nhà nước tại Công ty chiếm tỷ lệ 61%, còn lại là phần vốn góp của cán bộ công nhân viên và các cổ đông bên ngoài.
- 1999** Ngày 19/05/1999 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 2857/QĐ-UB-KT về việc giảm cổ phần Nhà nước trong Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu PHARMEDIC từ 61% xuống 45%. Vốn điều lệ mới của Công ty là 20.558.720.840 đồng trong đó cổ phần Nhà nước chiếm 45%, còn lại 55% là cổ phần của cán bộ công nhân viên và cổ đông bên ngoài.
- 2002** Ngày 29/06/2002 khánh thành Nhà máy sản xuất đạt các tiêu chuẩn: GMP (WHO), GLP, GSP. (Địa chỉ số 1/67 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh).
- 2005** Công ty tăng vốn điều lệ lên 45.669.000.000 đồng từ lợi nhuận để lại.
- 2008** Công ty tăng vốn điều lệ lên 64.816.340.000 đồng với hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (từ quỹ đầu tư phát triển) và phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ chủ chốt.
- 2013** Công ty tăng vốn điều lệ lên 93.325.730.000 đồng với hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (từ quỹ đầu tư phát triển). Cổ phần Nhà nước chiếm 43,43%, còn lại 56,57% là cổ phần của cán bộ công nhân viên và cổ đông bên ngoài.



Danh hiệu cao quý

- 1995** Nhờ đạt được những thành tích xuất sắc trong sản xuất - kinh doanh, Công Ty đã vinh dự được Nhà Nước trao tặng danh hiệu cao quý Huân chương Lao động hạng III ngày 12/05/1995.
- 2003** Nhận Huân chương Lao động hạng II ngày 15/01/2003.
- 2013** Nhận Huân chương Lao động hạng I ngày 30/8/2013.

Các thành tích, sự kiện nổi bật

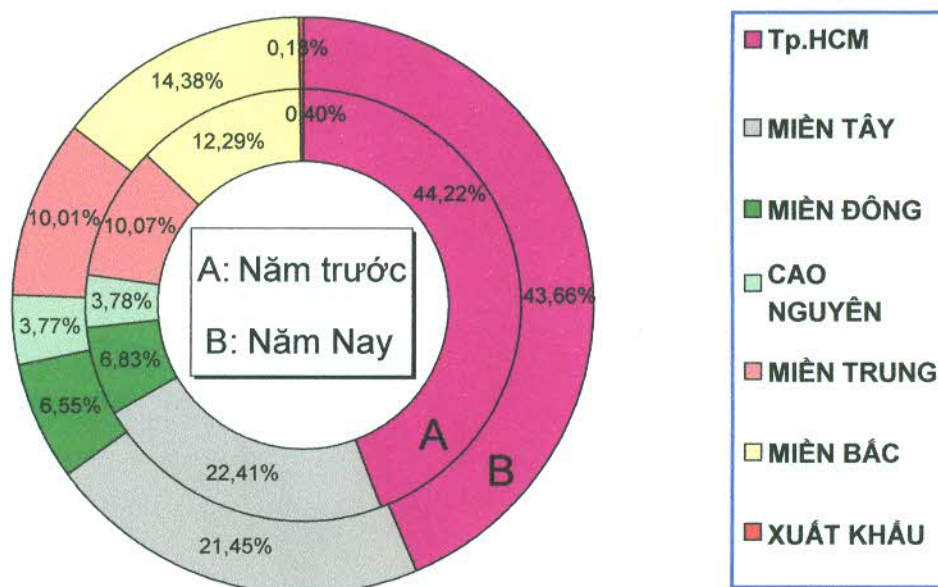
- 2007** Nhận giải thưởng Thương mại Dịch vụ do Bộ Công thương trao tặng.
- 2009** Ngày 09/10/2009 Công ty chính thức niêm yết thực hiện giao dịch chứng khoán đầu tiên theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 9 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 2003 - 2018** Công ty liên tục đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam Chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn.
- 2016** Top 50 thương hiệu phát triển bền vững. Top 10 doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch của HNX.
- 2017** Danh hiệu: “Doanh nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường” và “Thương hiệu xuất sắc 3 miền và doanh nhân xuất sắc 3 miền”.
- Top 30 doanh nghiệp thực hiện quản trị công ty tốt nhất HNX 2016-2017.

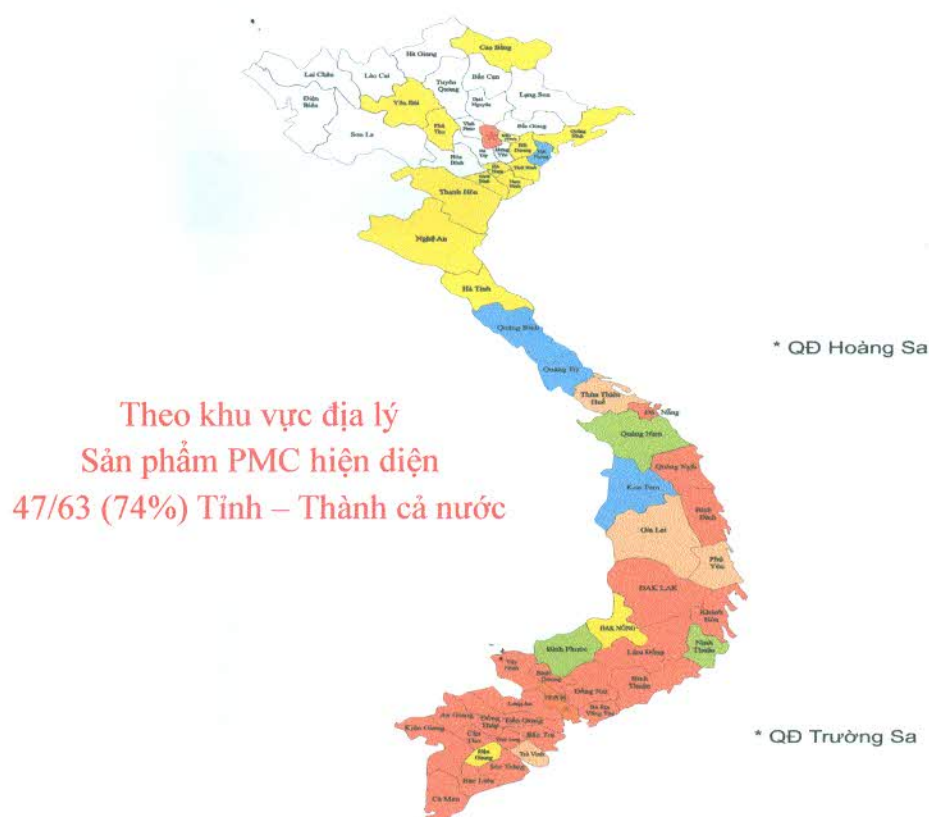
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:*

- Sản xuất mỹ phẩm;
- In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Gia công chế biến một số nguyên liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Sản xuất vật tư, y tế;
- Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt vi khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Liên doanh, liên kết với tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, vật tư y tế, mỹ phẩm;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.

- *Địa bàn kinh doanh:*

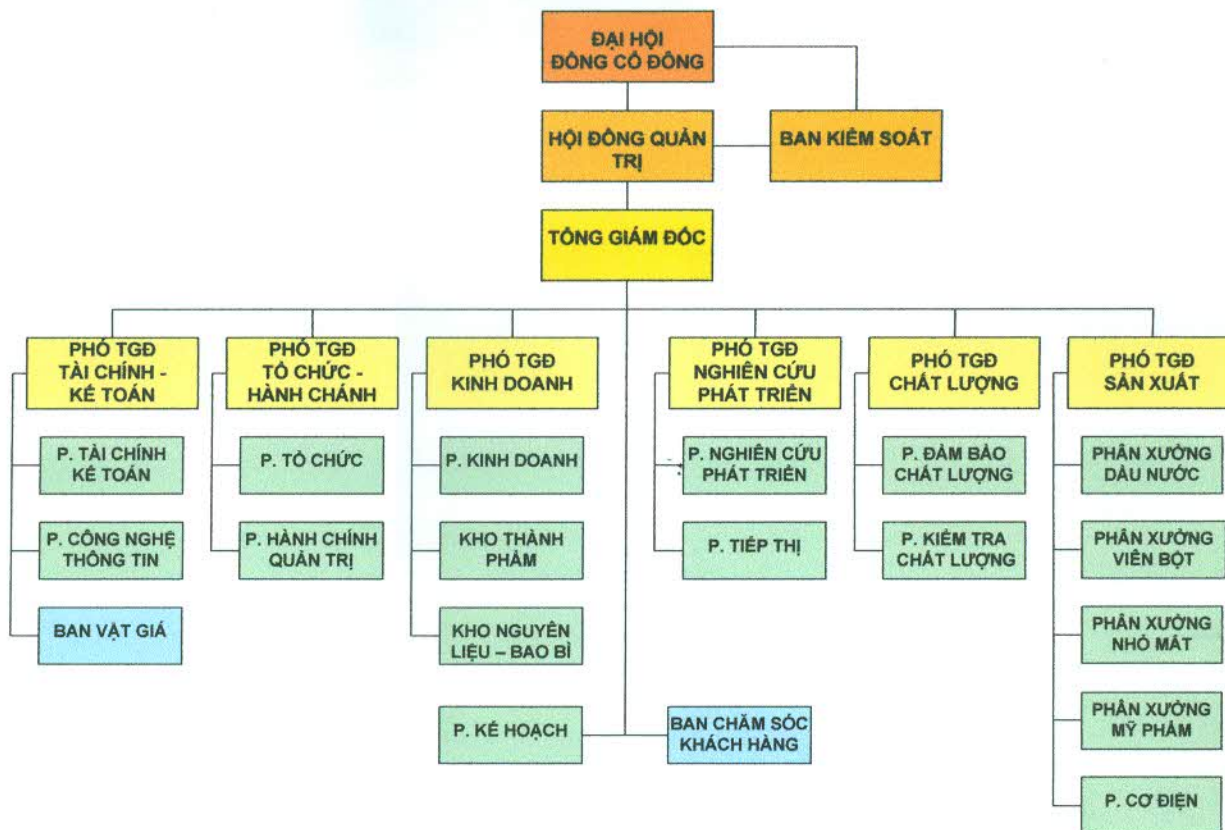




- Hiện tại, PMC phân phối qua hai kênh chính là kênh điều trị và kênh thương mại. Kênh thương mại được PMC tập trung phát triển nhiều hơn do có ưu điểm chủ động trong kinh doanh và kỳ hạn thu tiền sớm hơn kênh điều trị. Doanh thu tăng trưởng tốt chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh, khu vực Miền Bắc và Miền Trung.
- Mặt hàng Pharmedic đã phân phối 47/63 Tỉnh – Thành (chủ yếu là Miền Nam), số lượng khách hàng tăng trưởng đều, năm 2018 mở thêm được 73 khách hàng nâng tổng số khách hàng lên 6.271, bình quân mỗi tháng đạt 3.789 khách hàng tăng 0,64% so với năm 2017.
- Năm 2018, sự thay đổi không kịp thời các Thông tư sau khi Luật Dược sửa đổi và các Nghị định có hiệu lực, đặc biệt các vấn đề liên quan để cấp số đăng ký, về giá thuốc, đấu thầu về thuốc và các quy định trong thanh toán làm gián đoạn việc cung ứng thuốc trúng thầu. Giá thuốc đấu thầu phải thấp hơn giá kế hoạch của năm đấu thầu được xây dựng, dựa trên kết quả trúng thầu của năm trước liền kề (giá kế hoạch và tiếp theo đó là giá trúng thầu của năm sau thấp hơn năm trước). Các thủ tục hồ sơ cấp visa phức tạp, thời gian cấp hồ sơ kéo dài làm trì hoãn việc phát triển sản phẩm mới và mất cơ hội kinh doanh.
- Kênh truyền thống thương mại (kênh Pharmacy) được phát triển với các nguyên tắc bán hàng hiện đại, chuyên nghiệp thông qua việc bán hàng đúng tuyến, đúng lịch, gia tăng chất lượng đơn hàng trên mỗi khách (tăng số lượng mặt hàng trên mỗi đơn hàng, tăng số lượng mặt hàng trên mỗi khách hàng). Chuyên nghiệp hóa hệ thống bán hàng theo mô hình trình dược (giới thiệu sản phẩm - nhận đơn hàng) và phân phối (giao hàng - thu tiền) để hợp tác phân phối với các đối tác.

4. Mô hình hoạt động Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC



• Mô hình quản trị: là một công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu PHARMEDIC được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ công ty. Trong đó, nhiệm vụ và vai trò của các cấp là:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Hiện tại, HĐQT Công ty gồm có 07 thành viên, nhiệm kỳ là 05 năm.

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Hiện nay, BKS Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban điều hành.

Ban điều hành (Ban điều hành) của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch HĐQT.

Các bộ phận chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý điều hành.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.
- **Trụ sở Công ty:** nơi đặt văn phòng làm việc của Hội Đồng Quản Trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc phụ trách về : Kế toán, kinh doanh, nghiên cứu phát triển và các phòng, ban gồm: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kế hoạch, Phòng Công nghệ Thông tin, Phòng Tổ chức, Phòng Hành chính quản trị, Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp Thị, Kho Thành Phẩm, Ban Chăm sóc khách hàng, Ban Vật giá và Hiệu thuốc thuốc bán lẻ.

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 39 200 300 – 38 375 300. Fax: (84-28) 39 200 096

- **Nhà máy:** Nơi đặt văn phòng làm việc của Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất, Chất lượng và các phòng, ban gồm: Phòng Hành chính quản trị Nhà Máy, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng Kiểm tra Chất Lượng, Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Cơ điện, Phân xưởng Dầu nước, Phân xưởng Viên bột, Phân xưởng Thuốc nhỏ mắt và Kho Nguyên liệu Bao bì.

Địa chỉ: 1/67 Nguyễn Văn Quá, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 37 190 075. Fax: (84-28) 37 190 072.

5. Giới thiệu Ban quản trị Công ty

- **Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2014 - 2019):**

1. Ông Lê Việt Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị (không tham gia Ban điều hành)

- Năm sinh : 1963
- Trình độ : Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Dược sĩ Đại học
- Chức vụ tại tổ chức khác : Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.
- Quá trình công tác :

2003 - 2004	: Trưởng Chi nhánh Công ty Sapharco Hà Nội.
2004 - 2007	: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Roussel Việt Nam.
2007 - 2008	: Phó Giám đốc Công ty Roussel Việt Nam.
2008 - 2015	: Giám đốc Công ty Roussel Việt Nam.
12/2014 - 06/2016	: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco).
06/2016 - nay	: Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco).

04/2014 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

- Số lượng cổ phiếu sở hữu : 3.027.726 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 32,44% (Đại diện phần vốn nhà nước của Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn).

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

2. Bà Mai Thị Bé

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Phó Tổng Giám đốc.

- Năm sinh : 1942

- Trình độ : Dược sĩ Đại học

- Quá trình công tác :

1975 - 1981 : Công tác tại Công ty Dược cấp 2, Tp.HCM.

1982 - nay : Công tác tại Công ty Pharmedic.

2000 - 2005 : Giám đốc Công ty Pharmedic.

06/2005 - 07/2014 : Tổng Giám đốc Công ty Pharmedic.

04/2014 - nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 23.947 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,26%

3. Ông Trần Việt Trung

Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc

- Năm sinh : 1956

- Trình độ : Dược sĩ đại học, Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác :

1996 - 2000 : Công tác tại Công ty Dược và các sản phẩm sinh học (Biopha).

2000 - 2007 : Trưởng phòng Quản lý Dược Sở Y tế Tp.HCM.

09/2007 - 07/2014 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược Sài Gòn.

04/2009 – 04/2014 : Đại diện vốn nhà nước - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

07/2014 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 3.686 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,04%

4. Ông Trần Văn Nhiều

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Năm sinh : 1929

- Trình độ : Dược sĩ đại học

- Quá trình công tác :
 - 03/1978 – 09/1981 : Chuyên viên tại Công ty Dược phẩm cấp 2.
 - 09/1981 – 07/1983 : Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Dược phẩm Pharimex.
 - 07/1983 – 09/1997 : Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
 - 09/1997 – 04/2009 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
Đạt danh hiệu Anh hùng lao động do Chủ tịch nước trao tặng năm 2007.
 - 04/2009 – đến nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 60.948 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,65%

5. Ông Cao Tấn Tước

Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm Kế toán trưởng.

- Năm sinh : 1944
- Trình độ : Trung cấp tài chính (năm 1972)
- Quá trình công tác :
 - Trước 1975 : Phó Giám đốc Chi nhánh Kỹ thương Ngân hàng Sài Gòn.
 - 05/1982 - nay : Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính – Hành chính Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
 - 04/2014 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 18.364 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,19%

6. Ông Lê Văn Thiện

Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tham gia Ban điều hành)

- Năm sinh : 1971
- Trình độ : Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính doanh nghiệp
- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.
- Quá trình công tác :
 - 07/2008 - 09/2010 : Phó Trưởng Phòng Kế toán Công ty Dược Sài Gòn
 - 10/2010 - 12/2011: Trưởng Phòng Kế toán tổng hợp – Phó Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.
 - 12/2011 - nay : Kế toán trưởng – Trưởng Phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.

- 05/2010 - 03/2015 : Kiểm soát viên Công ty CP XNK Yteco.
- 03/2015 - nay : Đại diện vốn nhà nước - Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Yteco.
- 01/2013 - 07/2016 : Đại diện vốn nhà nước tại Cty CP Dược Cần Giờ.
- 04/2014 - nay : Đại diện vốn nhà nước - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu : 1.026.583 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 11% (Đại diện phần vốn nhà nước của Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn).
- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

7. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền

Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh : 1962
- Trình độ : Cử nhân ngoại ngữ chuyên ngành Ngữ văn Anh
- Quá trình công tác :
 - 1985 - 2006 : Công tác tại Công ty XNK Quận 1 nay là Tổng Công ty Bến Thành.
 - 2006 - 07/2008 : Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Xuất khẩu Lao động thuộc Công ty CP Vận chuyển Saigon Tourist.
 - 08/2008 - 09/2013 : Giám đốc Bộ phận Quan hệ Quốc tế và Tư vấn Pháp lý Công ty Dược Sài Gòn.
 - 09/2013 - 02/2016 : Trưởng Phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.
 - 04/2009 - 04/2014 : Đại diện vốn nhà nước - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
 - 03/2016 - nay : Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 4.000 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0.043%

• Ban kiểm soát (nhiệm kỳ 2014 - 2019):

1. Bà Phạm Thị Hoàng

Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh : 1953
- Trình độ : Đại học Tài chính kế toán
- Quá trình công tác :
 - 1975 - 1990 : Công nhân viên Sở Tài chính TP.HCM.
 - 1990 - 1996 : Chuyên viên Cục thuế TP.HCM.
 - 1996 - 10/2008 : Chuyên viên Chi cục Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính TP.HCM.

1997 - nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 9.102 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0.1%

2. Ông Lê Hữu Hùng

Kiểm soát viên

- Năm sinh : 1976

- Trình độ : Đại học Kinh tế

- Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Thẩm định giá và Đầu tư Sài Gòn – Thái Dương.

- Quá trình công tác :

1999 - 2004 : Chuyên viên Chi cục Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính TP.HCM.

2004 - 2007 : Chuyên viên, Phó Phòng, Trưởng Phòng bán đấu giá tại Công ty Cổ phần Thẩm định giá và bán đấu giá tài sản TP.HCM.

2007 - 2011 : Giám đốc dự án, Giám đốc Đầu tư kinh doanh tại Công ty TNHH Bất động sản FPT TP.HCM.

2011 - 2013 : Tổng Giám đốc, Trưởng Đại diện Miền Nam tập đoàn Bất động sản thế kỷ (Cengroup Miền Nam).

2013 - 2017 : Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Thẩm định giá và Đầu tư Sài Gòn – Thái Dương.

2018 - nay : Phó Giám đốc Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Dịch vụ Carrot.

04/2014 - nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

3. Ông Nguyễn Thế Phong

Kiểm soát viên

- Năm sinh : 1979

- Trình độ : Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty TNHH Sao Phúc An

- Quá trình công tác :

2002 - 2005 : Kế toán công nợ Công ty Nông Thổ Sản II.

2005 - 2014 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Xây dựng TM DV GB.

2014 - nay : Kế toán trưởng Công ty TNHH Sao Phúc An.

2013 - 04/2018 : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Dược phẩm 2/9.

04/2014 - nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

- **Ban điều hành:**

1. **Ông Trần Việt Trung**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
(Xem phần giới thiệu Hội đồng quản trị)

2. **Ông Cao Tấn Tước**

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm Kế toán trưởng.
(Xem phần giới thiệu Hội đồng quản trị)

3. **Bà Mai Thị Bé**

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
(Xem phần giới thiệu Hội đồng quản trị)

4. **Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền**

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tổ chức - hành chính.
(Xem phần giới thiệu Hội đồng quản trị)

5. **Ông Phan Xuân Phong**

Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh

- Năm sinh: 1962

- Trình độ : Dược sĩ Đại học, Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác :

1985 - 1997 : Trưởng Ban Dược Bệnh xá Sư đoàn 330; Quản đốc Phân xưởng thuốc tiêm Xí nghiệp 150 - Bộ Quốc Phòng.

1997 - 1999 : Trưởng Phòng Kinh doanh Chương trình VIPHADI (phân phối thuốc ngoại nhập).

2000 - nay : Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

06/2009 - 04/2014: Đại diện vốn nhà nước - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 23.186 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,25%

6. **Bà Nguyễn Thị Thúy Vân**

Phó Tổng giám đốc phụ trách chất lượng

- Năm sinh : 1956

- Trình độ : Dược sĩ Đại học

- Quá trình công tác :

06/1988 - 03/1993 : Nhân viên Phòng Kiểm nghiệm

04/1993 - 12/2000 : Phó phòng Kiểm nghiệm

01/2001 - 09/2010 : Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng

- 10/2010 - nay : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chất lượng
06/2009 - 04/2014 : Đại diện vốn nhà nước - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 10.019 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,11%

7. Ông Trà Quang Trinh

Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiên cứu – tiếp thị

- Năm sinh: 1970
- Trình độ : Thạc sĩ Dược học, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - 2006 - 2008 : Phó Giám đốc Sản xuất Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
 - 2008 - 2011 : Phó Giám đốc Đảm bảo Chất lượng Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
 - 2011 - 2012 : Trợ lý Ban điều hành Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
 - 2012 - 03/2014 : Giám đốc Kế hoạch Công ty OPC.
 - 09/2014 - nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

PHẦN 2: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Nghiên cứu và triển khai các mặt hàng mới, cải tiến mẫu mã, bao bì.
- Mở rộng và hợp tác kinh doanh với các đối tác thuộc nhiều lĩnh vực liên quan ngành Dược.
- Phát triển thị trường nội địa, cải thiện hiệu quả chuỗi cung ứng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và giảm chi phí.
- Đẩy mạnh công tác marketing để sản phẩm tiếp cận đến khách hàng.
- Tiếp tục triển khai dự án xây dựng mở rộng phân xưởng sản xuất thuốc nhỏ mắt để tăng sản lượng.
- Tiếp tục công tác triển khai nhà máy mới và kho đạt tiêu chuẩn GSP, sau khi được UBND TP. giao đất.
- Phát triển hệ thống phân phối đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng tại các vùng sâu, xa xôi hẻo lánh... Tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng.
- Nâng cao ứng dụng công nghệ vào quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục triển khai các mục tiêu trong chiến lược phát triển của PHARMEDIC nhiệm kỳ 2019 – 2024.

- Tiếp tục giữ vững và phát triển vị thế PMC trên thị trường, phát triển ổn định doanh thu và lợi nhuận. Đến 2024, dự kiến phần đầu mức tăng trưởng với tổng doanh thu tăng 30% và lợi nhuận trước thuế tăng 20%.
- Giữ vững ổn định mức cổ tức từ 24%/ năm trở lên và được trả bằng tiền.
- Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới đạt tiêu chuẩn sản xuất dược phẩm theo quy định và nâng cấp tiêu chuẩn nhà máy hiện tại.
- Tiếp tục thực hiện dự án mở rộng phân xưởng Thuốc Nhỏ mắt tại Nhà máy hiện hữu.
- Đầu tư xây dựng hệ thống kho dược phẩm để mở rộng phân xưởng Thuốc nhỏ mắt.
- Mở rộng việc kinh doanh các sản phẩm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đưa thương hiệu ngày càng lớn mạnh trên thị trường trong nước và quốc tế với mục đích “PHARMEDIC – Sức khỏe và Niềm tin”.
- Mở rộng thị trường trong nước và gia tăng doanh số xuất khẩu.
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động R&D, sản xuất, thông tin, quản trị.
- Định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm và phân phối bảo vệ tốt môi trường, duy trì và phát huy các hoạt động đầu tư cho cộng đồng.

- Phát triển tốt mối quan hệ và tạo niềm tin lâu dài với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.
- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo đời sống của người lao động, đóng góp ổn định vào ngân sách của thành phố, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty

Hoạt động Công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng máy móc, thiết bị công nghệ sạch. Đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, tuân thủ nội quy an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động theo đúng kế hoạch, kiểm tra đánh giá hiệu quả huấn luyện và ý thức thực hiện của người lao động. Thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải.

Tập trung phát triển sản xuất, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội, góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt Nam.

Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động, chương trình chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng nhu cầu phát triển. Phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm hiệu quả, chống lãng phí.

Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội thông qua các việc làm với nghĩa cử cao đẹp như các hoạt động từ thiện, hoạt động thiện nguyện để xây dựng một xã hội văn minh, giàu đẹp hơn.

4. Các rủi ro

Đứng trước những thời cơ và thách thức của nền kinh tế trong nước, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đang tác động ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thì vấn đề nâng cao năng lực quản trị rủi ro, hạn chế đến mức thấp nhất những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro của công ty ngày càng trở nên cấp thiết.

Việc tăng tốc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm là hết sức cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp dược nói chung và của Pharmedic nói riêng. Nhiều doanh nghiệp dược mới tham gia thị trường làm tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa, kể cả việc cạnh tranh không lành mạnh. Một số doanh nghiệp làm nhái nhãn hiệu để cạnh tranh lẫn nhau, trong đó mặt hàng chủ lực BAR của Pharmedic là mặt hàng rất thông dụng nên có nhiều công ty làm hàng nhái, hàng giả ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

Rủi ro về pháp lý: Hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện. Năm 2018, ban hành các thông tư, nghị định dưới luật có nhiều nội dung thay đổi với những điều chỉnh về đầu tư, sản xuất thuốc cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty gây ra những tác động bất lợi trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược của công ty. Đặc biệt các quy định mới yêu cầu chặt chẽ hơn rất nhiều các tiêu chuẩn và hàng rào kỹ thuật được nâng cấp, đòi hỏi các cơ sở sản xuất, đăng ký, xuất nhập khẩu thuốc phải đầu tư chi phí rất lớn. Pharmedic sẽ

liên tục cập nhật và điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để thích nghi với những sự thay đổi từ pháp luật một cách kịp thời.

Rủi ro về thị trường: Các mặt hàng dược phẩm trong nước hiện nay có sự cạnh tranh về mặt bằng giá làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất dược trong và ngoài nước. Các quy định mới về cấp xét số đăng ký dược phẩm, thực phẩm chức năng, xét duyệt các công cụ quảng cáo,... ngày càng chặt chẽ, khó khăn, mất nhiều công sức, chi phí, thời gian và ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược phát triển các nhãn hàng, sản phẩm mới của Công ty. Bên cạnh đó, thực tế người tiêu dùng tại Việt Nam thường có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm ngoại nhập hơn là sản phẩm nội địa khiến áp lực cạnh tranh ngày càng nặng nề hơn đối với không chỉ riêng Pharmedic mà còn với các doanh nghiệp dược nội địa khác.

Là một trong những ngành công nghiệp được Nhà nước khuyến khích phát triển, sắp tới khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và rộng với Thế giới, áp lực cạnh tranh trong ngành chắc chắn sẽ gia tăng, đòi hỏi Công ty phải có những chiến lược phát triển sản phẩm, để có thể tồn tại và phát triển.

Rủi ro về tài chính: Biến động ngoại tệ là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần lớn nguyên liệu sản xuất thuốc chủ yếu nhập khẩu nên chịu ảnh hưởng các yếu tố đầu vào như: tỷ giá ngoại tệ, biến động giá nguyên liệu, chính sách thuế nhập khẩu ...Do đó Công ty cần phải dự trữ nguyên liệu nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, ổn định chất lượng và giá thành sản phẩm.

Rủi ro tín dụng và lãi suất của Công ty ảnh hưởng chủ yếu là khoản tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng. Tuy nhiên, lượng tiền gửi sẽ tiếp tục được giải ngân mạnh trong các năm sau cho việc đầu tư. Vì vậy, dự báo rủi ro từ khoản tiền gửi sẽ giảm dần trong các năm tiếp theo.

Rủi ro về nhân sự: Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, Công ty tiếp tục tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa. Chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng.

Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào: Nguyên vật liệu đầu vào là yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành và ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty do đó công ty đã chú trọng quản trị và hoạch định tốt nhằm giảm thiểu rủi ro để đảm bảo cho hoạt động sản xuất được thông suốt, chi phí hợp lý, tối ưu hoá lợi nhuận.

Rủi ro môi trường: Trong những năm gần đây, công chúng rất chú trọng đến trách nhiệm của các công ty đối với môi trường và xã hội. Những ngành sản xuất công nghiệp thường để lại những hậu quả nặng nề cho môi trường sống xung quanh khu vực. Chính vì thế, bên cạnh việc đầu tư cho các hoạt động kinh doanh, Công ty cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, mà trọng tâm là các hoạt động xử lý nước thải, tránh tình trạng gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến sức khỏe

của cộng đồng dân cư. Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược, hướng đến mục tiêu vì sức khỏe của cộng đồng, Pharmedic càng ý thức rõ hơn về trách nhiệm của Công ty trong việc xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh.

Những vấn đề điển hình trên đã tạo áp lực lớn đối với HĐQT và Ban điều hành, đồng thời ảnh hưởng đến chiến lược và kế hoạch dài hạn của Công ty.

Để ứng phó với các rủi ro, Công ty phải củng cố lại tất cả các mặt hoạt động, quản trị chi phí để giảm giá thành sản phẩm. Cấu trúc danh mục sản phẩm là công việc được thực hiện hàng năm, tuy nhiên, điểm khác biệt trong năm 2017 là Công ty sẽ lựa chọn các tiêu thức phân bổ chi phí hợp lý hơn. Việc đăng ký sản phẩm ngày càng khó khăn là cơ sở để Công ty tập trung vào danh mục sản phẩm hiện có hơn nữa. Tiếp tục đầu tư thương hiệu, đầu tư vào những địa bàn trọng điểm, phân loại khách hàng, triển khai bán hàng, ... là những chiến lược giúp Công ty khai thác, mở rộng thị phần sâu hơn đối với những sản phẩm đã có số đăng ký đang lưu hành.

PHẦN 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 và nhiệm kỳ 2014 -2019

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2018

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
				KH năm	Cùng kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)/(3)	(4)/(2)
Tổng doanh thu	437.166	443.350	462.985	104,43%	105,91%
Tổng chi phí	345.650	355.350	370.425	104,24%	107,17%
Lợi nhuận trước thuế	91.516	88.000	92.560	105,18%	101,14%
Lợi nhuận sau thuế	72.737	70.400	73.649	104,62%	101,25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.779	17.600	18.911	107,45%	100,70%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng doanh thu	20,93%	19,85%	20,00%		

- Tổng doanh thu năm 2018 tăng 5,91% so với năm 2017 là do Công ty có đội xe giao hàng trên toàn quốc, đội ngũ tiếp thị bán hàng chuyên nghiệp, mặt hàng có uy tín trên thị trường và do điều chỉnh lương khoán trên doanh số nên doanh số của khối tiếp thị có tăng đáng kể. Nhờ đó, thị trường cũng được mở rộng và số lượng nhà thuốc, các Công ty dược cũng tăng thêm đáng kể.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu của năm 2018 đạt 20%, đây cũng là tỷ suất lợi nhuận cao nhất trong khối các Công ty dược thuộc hệ thống Công ty Dược Sài Gòn (Sapharco).

1.2 Kết quả thực hiện nhiệm kỳ 5 năm (2014 – 2019)

Đơn vị: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ % (2018/2014)
Tổng Doanh thu	367.119	392.532	420.822	437.166	462.985	126,11%
Lợi nhuận trước thuế	80.212	82.611	92.900	91.516	92.560	115,39%
Lợi nhuận sau thuế	62.329	63.923	73.932	72.737	73.649	118,16%
Nộp ngân sách	28.373	30.593	47.108	29.274	30.072	105,99%
Thu nhập b/q người/ tháng	15,7	16,1	17,3	16,9	17	107,94%
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	21,85%	21,05%	22,08 %	20,93%	20,00%	

- Tổng doanh thu năm 2018 tăng 26,11% so với năm 2014, bình quân 1 năm tăng 5,22% tương ứng tăng bình quân một năm là 19 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng 15,39% so với năm 2014, bình quân 1 năm tăng 3,08% tương ứng tăng bình quân một năm là 2,47 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân năm 2018 tăng 7,94% so với năm 2014, bình quân 1 năm tăng 1,59%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu hàng năm đều trên 20,00 % và đây cũng là tỷ suất lợi nhuận cao nhất trong khối các Công ty dược thuộc hệ thống Công ty Dược Sài Gòn (Sapharco).

2. Hoạt động sản xuất - kinh doanh

- Trong các năm qua, Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, tập trung sản xuất các mặt hàng chủ lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
- Từng bước áp dụng chai sạch đưa vào sản xuất, tiết kiệm nhiều chi phí điện nước, thời gian và số lượng nhân công;
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với tình hình thị trường, hạn chế tối đa lượng hàng tồn kho;
- Triển khai sản xuất các mặt hàng mới;
- Tiết kiệm chi phí do mua nguyên liệu rẻ và chất lượng phù hợp với thông tư mới của Bộ Y tế góp phần gia tăng lợi nhuận của Công ty.
- Ban điều hành chỉ đạo sắp xếp chặt chẽ các công tác liên quan đến hoạt động

sản xuất và kinh doanh của Công ty:

- + Điều chuyển lao động từ các phân xưởng khác đến phân xưởng Thuốc nhỏ mắt để tập trung nâng cao sản lượng đáp ứng nhu cầu thị trường;
- + Sửa chữa nhà xưởng, bổ sung thay thế thiết bị;
- + Cải tạo, mở rộng, sắp xếp lại sản xuất phân xưởng thuốc nhỏ mắt để tăng sản lượng lên thêm 50% mỗi ngày;
- Chiến lược kinh doanh tập trung phát triển các sản phẩm do Công ty sản xuất, ưu tiên danh mục sản phẩm chủ lực có doanh thu và lợi nhuận cao;
- Hoạt động kinh doanh có những bước thay đổi tích cực, đầu tư trang thiết bị mới bổ sung cho các dây chuyền sản xuất;
- Phối hợp chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh và cung ứng, đáp ứng nhanh, kịp thời nhu cầu của thị trường;
- Mở rộng hợp tác bán hàng với các tỉnh, sử dụng đội xe đưa hàng về vùng sâu, vùng xa trên cả nước;
- Cải tiến thủ tục mua, bán, chiết khấu hợp lý cho từng đối tượng khách hàng. Ban điều hành Công Ty thường xuyên đến tận nơi thăm hỏi khách hàng để giải quyết kịp thời những vướng mắc, trở ngại trong quan hệ kinh doanh.
- Trong nhiệm kỳ 2014- 2019 đã triển khai thêm:
 - + Dây chuyền sản xuất mỹ phẩm đạt GMP Asean;
 - + Sản xuất gia công mỹ phẩm;
 - + Kinh doanh thực phẩm chức năng

3. Hoạt động tiếp thị và nghiên cứu phát triển

- Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị, thực hiện quảng cáo trên các phương tiện truyền thông, tham gia Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao, đưa hàng Việt về nông thôn. Thực hiện khẩu hiệu “ Người Việt dùng thuốc Việt” của Chính phủ;
- Xây dựng và triển khai chương trình khuyến mãi thích hợp;
- Tham gia đấu thầu đưa thuốc vào các Bệnh viện, đảm bảo cung ứng đủ số lượng thuốc của các đơn vị. Tham gia thường xuyên các chương trình Bảo hiểm Y Tế; chương trình sinh hoạt khoa học kỹ thuật tại các hội nghị khoa học, Bệnh viện nhằm giới thiệu sản phẩm của Công ty;
- Không ngừng nghiên cứu đăng ký mặt hàng mới và cải tiến công thức pha chế một số mặt hàng; Đã nghiên cứu sản xuất được nhiều mặt hàng mới chất lượng đảm bảo. Chú trọng thúc đẩy nhanh việc đăng ký cho các sản phẩm mới và đăng ký lại các sản phẩm đã hết thời gian sử dụng.

4. Hoạt động đảm bảo và kiểm tra chất lượng

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc áp dụng đúng đắn các quy chế, quy định, các SOP hiện hành trên các nguyên tắc thực hành tốt GPs.
- Năm 2017, thực hiện kiểm tra 3.713 hồ sơ lô.

- Kiểm tra các hồ sơ thẩm định theo GMP, hồ sơ đăng ký thuốc. Phối hợp với Phòng Hành chính quản trị trong công tác kiểm soát môi trường, khai thác nước ngầm/ xả thải, chất thải nguy hại. Lập hồ sơ xin gia hạn Giấy phép xả thải do đặc môi trường lao động để làm hồ sơ an toàn vệ sinh lao động năm 2017.
- Trong năm 2017, kiểm tra các thông số môi trường phân xưởng định kỳ hàng quý, kiểm định cân định kỳ, hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế và DNV-GL đánh giá giám sát ISO định kỳ lần 2 năm 2017.
- Lập hồ sơ xin tái xét duyệt GDP, GMP; Đào tạo (phối hợp với phòng Tổ chức).
- Tiến hành đánh giá nội bộ xét ISO và chỉnh sửa, cập nhật các SOP phù hợp ISO phiên bản mới (ISO-2015)
- Công tác kiểm nghiệm đánh giá bao bì sạch đưa vào sản xuất góp phần giảm chi phí.

5. Hoạt động đảm bảo và kiểm tra chất lượng

- Luôn hướng tới chính sách chất lượng:
 - + Đảm bảo chất lượng và cải tiến liên tục trong quá trình sản xuất sản phẩm và dịch vụ phân phối.
 - + Tuân thủ nghiêm mọi luật định.
- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc áp dụng đúng đắn các quy chế, quy định; thực hiện đầy đủ các SOP hiện hành trên nguyên tắc thực hành tốt GP's của các phòng, ban, phân xưởng.
- Tuân thủ các quy định của Bộ Y tế về sản xuất dược phẩm.
- Đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm qua việc tiếp thu phản ánh từ thị trường.

6. Hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực

- Tổng số nhân viên tính đến ngày 31/12/2018 là 606 người, giảm 06 người so với thời điểm 31/12/2017. Trong đó, trình độ trên Đại học có 10 người, Đại học: 169 người, Cao đẳng: 35 người, Trung học chuyên nghiệp: 132 người, còn lại là trình độ sơ cấp và phổ thông trung học: 260 người. Nguồn lao động của Công ty chủ yếu là khối công nghiệp (sản xuất) và khối kinh doanh. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2018 là 17.000.000 đồng/ người/ tháng.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi cho Người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty;
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể CB-CNV;
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho CB-CNV, các buổi huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ; Phát động phong trào thi đua, tạo động lực khuyến khích CB-CNV đăng ký sáng kiến, cải tiến, tiết kiệm chi phí & phục vụ cho công tác tốt; Sắp xếp, bố trí và cải thiện môi trường làm việc nhằm tăng năng suất lao

động, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận và nâng cao thu nhập của Người lao động;

- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; xây dựng và phát triển tập thể nhân viên có kinh nghiệm, vững chuyên môn nghiệp vụ;
- Một trong những yếu tố góp phần tạo nên hiệu quả kinh doanh là sự đoàn kết và phối hợp tốt của Ban điều hành trong việc ban hành các quyết định sáng suốt, hợp lý, hiệu quả, đặt quyền lợi Công ty lên trên hết.

7. Công tác thi đua khen thưởng

- Duy trì công tác thi đua, công tác xã hội qua các phong trào nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Trong các năm qua Công ty đạt được nhiều giải thưởng và các danh hiệu về sáng kiến lao động: Chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến ...
- Nhiều sáng kiến trong sản xuất góp phần mang lợi nhuận cao
- Các thành tích đạt được:

- **Danh hiệu:**

Năm	Danh hiệu thi đua	Số quyết định, ngày cấp, Cơ quan ban hành quyết định.
2014	Tập thể lao động xuất sắc năm 2014	1792/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 UBND Thành phố
2015	Tập thể lao động xuất sắc năm 2015	804/QĐ-UBND ngày 01/03/2016 UBND Thành phố
2016	Tập thể lao động xuất sắc năm 2016	2296/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 UBND Thành phố
2017	Tập thể lao động xuất sắc năm 2017	1951/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của UBND Thành phố

• **Hình thức khen thưởng:**

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định.
2014	Gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2010-2014	Quyết định số 101/QĐ-SPC-NSHC ngày 15 tháng 5 năm 2015 về việc công nhận gương điển hình tiên tiến 2010-2014 của Công ty Dược Sài Gòn
2014	Cờ thi đua năm 2014 của UBND Thành phố	QĐ số 1790/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND Thành Phố
2015	Cờ thi đua năm 2015 của UBND Thành Phố Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ	QĐ số 803/QĐ-UBND ngày 01/03/2016 của UBND Thành Phố QĐ số 1624/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ
2016	Cờ thi đua năm 2016 của UBND Thành phố	2295/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 của UBND Thành phố
2017	Bằng khen của UBND TP: đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2016 – 2017	1951/QĐ- UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của UBND Thành phố

Ngoài ra, được công nhận thành tích nhiều năm liền trong hệ thống công ty Dược Sài Gòn:

- Bằng khen công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc;
- Bằng khen “Tổ chức công đoàn vững mạnh xuất sắc”
- Giấy khen “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động chuyên đề về công đoàn”
- + Giấy khen “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn”.

8. Công tác tài chính kế toán

• **Tình hình tài chính**

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ % (+,-)
Tổng giá trị tài sản	332.446	354.515	6,64%
Doanh thu thuần	429.602	454.572	5,81%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	91.336	92.039	0,77%
Lợi nhuận khác	180	521	189,42%
Lợi nhuận trước thuế	91.516	92.560	1,14%
Lợi nhuận sau thuế	72.737	73.649	1,25%
Tỷ lệ trả cổ tức	24%	24%	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	4,35	5,57
- Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,94	3,93
- Hệ số thanh toán tức thời	Lần	1,50	3,13
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	19,16	15,34
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	80,84	84,66
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	5,24	5,07
- Vòng quay tài sản	Vòng	1,37	1,32
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	9,76	10,82
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,12	1,97
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	41,87	39,04
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	16,93	16,20
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	136,50	132,34
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	23,11	21,44
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	28,69	25,89

II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu năm 2018 đạt: 462,985 tỷ đồng tăng 5,91% so với thực hiện năm 2017. Trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 454,572 tỷ đồng tăng 5,18 % so với thực hiện năm 2017 và tăng 3,31% so với kế hoạch.
- Qua 5 năm kể từ 2014 - 2018, tổng doanh thu tăng đều hàng năm từ 367,1 tỷ của năm 2014 tăng lên tới 462,985 tỷ đồng trong năm 2018. Trong 5 năm giá trị tổng doanh thu tăng tổng cộng 95,9 tỷ đồng, bình quân mỗi năm tăng 19,2 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân là 5,22%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt: 92,56 tỷ đồng tăng 5,18 % so với kế hoạch và tăng 1,14% so với thực hiện năm 2017.
- Tổng lợi nhuận trước thuế qua 5 năm tăng tổng cộng 12,3 tỷ đồng, bình quân mỗi năm tăng 2,5 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 3,08%/năm.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt bình quân mỗi năm là 24%.

- Năm 2018 do những biến động lớn về giá cả thị trường nhựa, bao bì cùng với những thay đổi về chính sách tiền lương, BHXH nên dẫn đến chi phí nguyên phụ liệu, bao bì, BHXH tăng mạnh. Tổng giá trị sản lượng sản xuất tăng 7,09 tỷ đồng tương ứng tăng 1,48% so với 2017, dẫn đến chi phí nguyên vật liệu, bao bì cũng tăng theo. Một trong những yếu tố dẫn đến chi phí nguyên vật liệu tăng là do giá nhập của một số nguyên liệu, bao bì tăng.

2. Tình hình tài chính

- Tổng tài sản đến thời điểm 31/12/2018 của Công ty đạt 354,515 tỷ đồng. Một trong những nguyên nhân chính của việc tăng giá trị tài sản của công ty là trong năm qua Công ty cải tạo nâng cấp nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng suất sản xuất, tăng dự trữ hàng tồn kho. Trong 5 năm (2014 – 2018), tổng tài sản của công ty đã tăng 120,2 tỷ đồng, bình quân mỗi năm tổng tài sản tăng 24 tỷ đồng.
- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty vẫn không thay đổi và có giá trị 93,326 tỷ đồng. Quỹ đầu tư phát triển tiếp tục tăng thêm 30,7 tỷ đồng là do trích từ lợi nhuận năm 2017 theo Nghị Quyết của Đại Hội đồng cổ đông. Như vậy đến 31/12/2018, Công ty tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn, Quỹ đầu tư phát triển đạt 159,425 tỷ đồng, gấp 1,708 lần nguồn vốn kinh doanh.
- Nguồn vốn chủ sở hữu đến 31/12/ 2018 đạt 300,145 tỷ đồng, qua 5 năm vốn chủ sở hữu tăng tổng cộng 118,15 tỷ đồng, bình quân mỗi năm tăng 23,6 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng trong 5 năm qua là do công ty hoạt động hiệu quả, lợi nhuận tăng, trích lập đầy đủ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết của đại hội cổ đông hàng năm.
- Tài sản cố định trong 5 năm đã mua sắm với tổng trị giá là 64,948 tỷ đồng và tổng khấu hao đã đưa vào chi phí và giá thành là 48,277 tỷ đồng.
- Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2018 của Công ty đều thể hiện xu hướng giảm. Cụ thể, ROA giảm từ 23,11% còn 21,44%, ROE giảm từ 28,69% còn 25,89%. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm từ 16,93% còn 16,20%. Nguyên nhân là do chi phí nguyên vật liệu - bao bì tăng cao dẫn đến giá vốn hàng bán tăng.
- Sử dụng hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính qua việc quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn;
- Thường xuyên vận động thực hành tiết kiệm, giảm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, nguyên vật liệu... và cắt giảm tối đa các chi phí không cần thiết;
- Kể từ năm 2014, Công ty không những không vay ngân hàng, mà còn thu lợi nhuận từ nguồn thu nhập về hoạt động tài chính; Dự đoán tỷ giá ngoại tệ để mua vật tư, nguyên vật liệu dự trữ tại thời điểm thích hợp, góp phần làm giảm giá thành vật tư và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty;
- Đảm bảo công nợ theo quy định, kịp thời thu hồi nợ đến hạn nhằm quay nhanh vòng vốn kinh doanh;

- Luôn chấp hành các quy định về công bố thông tin và cập nhật trên trang web của Công ty.
- PMC hiện nay là đơn vị đầu tiên trong hệ thống công ty mẹ - con của Thành phố (Sapharco) tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2009.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2018, Công ty đạt được kết quả khả quan trên là do lãnh đạo Công ty luôn kịp thời, sâu sát chỉ đạo trong các hoạt động chung và thực hiện tốt các nội dung công việc đã đề ra như sau:

- Chủ động bám sát thị trường trong và ngoài nước để dự trữ vật tư một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Luôn hướng tới chính sách chất lượng:
 - + Đạt chất lượng và cải tiến liên tục trong suốt quá trình sản xuất sản phẩm và dịch vụ phân phối;
 - + Chấp hành mọi luật định trong sản xuất và phân phối.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm qua việc tiếp thu phản ánh từ thị trường.
- Đầu tư trang thiết bị mới, thay thế một số máy móc lạc hậu kỹ thuật.
- Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, cải tiến, tiết kiệm chi phí, luôn nghiên cứu sản phẩm mới đưa vào sản xuất.
- Đổi mới chương trình quảng bá sản phẩm. Cải tiến thủ tục mua bán và phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.
- Phát động phong trào bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn trong toàn Công ty.
- Không ngừng cải thiện đời sống của người lao động về vật chất cũng như tinh thần.
- Tổ chức tốt các phong trào thi đua, tạo ra sự đoàn kết và tập trung phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2018, Hội nghị người lao động 2018 và đối thoại định kỳ.

Trước tình hình khó khăn chung, Ban lãnh đạo cùng tập thể CB-CNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu và không ngừng cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và sẽ cố gắng tiếp tục phát huy hơn nữa, tạo đà thực hiện thắng lợi trong những năm tới ngày một thành công hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong nhiệm kỳ tới 2019- 2024, Công ty sẽ phát huy hơn nữa các thành quả đã đạt được theo sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị để thực hiện các mục tiêu, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 và những năm tiếp theo;
- Tiếp tục công tác nghiên cứu phát triển; Cải tiến và triển khai các mặt hàng mới; các mặt hàng vừa được cấp số đăng ký và các mặt hàng có số đăng ký được gia hạn;

- Cải tiến mẫu mã, bao bì; áp dụng bao bì sạch; giặt công nghiệp trong sản xuất;
- Mở rộng và hợp tác kinh doanh với các đối tác thuộc nhiều lĩnh vực liên quan ngành dược như: sản xuất mỹ phẩm, kinh doanh nguyên liệu làm thuốc, các sản phẩm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, thực phẩm chức năng
- Tiếp tục triển khai dự án xây dựng mở rộng phân xưởng thuốc nhỏ mắt để tăng sản lượng lên 66 % mỗi ngày.
- Phát triển hệ thống phân phối đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng tại các vùng sâu, xa xôi hẻo lánh... Tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng.
- Bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho CB-CNV qua các lớp đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.
- Xây dựng hệ thống lưu trữ, theo dõi hồ sơ pháp lý công ty.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định của Nhà nước.
- Tiếp tục công tác triển khai nhà máy mới và kho đạt tiêu chuẩn GSP, sau khi được UBND TP giao đất;
- Đầu tư máy móc thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;
- Duy trì và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động;
- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác marketing để sản phẩm tiếp cận đến khách hàng ngày nhiều hơn
- Phấn đấu thực hiện mức chi trả cổ tức cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
- **Phát triển nguồn nhân lực:**
 - Tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động, tăng năng suất lao động.
 - Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chú trọng thu hút và đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ có kinh nghiệm, có trình độ phù hợp với công việc sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý với các chính sách phù hợp và trọng dụng nhân tài để đào tạo chuẩn bị cho đội ngũ quản lý kế thừa.
 - Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của Công ty nên chính sách đào tạo là một trong những chính sách chất lượng luôn được duy trì trong suốt cả nhiệm kỳ và còn tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nhằm đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty đồng thời phát huy được trình độ năng lực, khai thác được tiềm năng và tính sáng tạo của mỗi con người.

- Cung cấp điều kiện làm việc tốt, thực hiện chế độ lương theo hướng tạo động lực thúc đẩy sự đóng góp tích cực của người lao động và thực hiện chế độ khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến, tạo lợi nhuận cho Công ty nhằm khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng lực của mình. Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đầy đủ, kịp thời, phù hợp và đúng quy định; Sử dụng quỹ tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi hiệu quả, tạo động lực làm việc cho Người lao động.

PHẦN 4. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Báo cáo môi trường

Báo cáo phát triển bền vững là một trong những hoạt động mà PHARMEDIC đang hướng đến và ngày càng hoàn thiện qua các năm. Theo đó, Công ty đã và đang ban hành các chính sách gắn liền trách nhiệm của Doanh nghiệp với các hoạt động cộng đồng. Sau đây là bức tranh tổng thể về các hoạt động thiết thực mà PHARMEDIC đã nỗ lực mang lại cho xã hội, đóng góp một phần nhỏ bé vào công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường.

• Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng nguyên liệu PMC sử dụng trong năm 2018: tổng giá trị nguyên vật liệu – bao bì 169,36 tỷ đồng giảm 7,02% so với năm 2017 (trong đó nguyên vật liệu các loại trị giá 71,36 tỷ đồng tăng 0,86% so với năm 2017 và bao bì phụ liệu 97,99 tỷ đồng tăng 12% so với năm 2017). Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất thuốc của PMC chiếm gần 50% giá thành sản phẩm, chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài, từ các nhà sản xuất lớn, đạt tiêu chuẩn GMP, ISO và có uy tín trên thế giới.
- Việc lựa chọn nhà cung ứng là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về chất lượng cho sản phẩm. Phòng Kế hoạch của PMC có chức năng chọn mua và cung cấp đầy đủ, kịp thời nguyên liệu, bao bì phù hợp tiêu chuẩn chất lượng với giá cả hợp lý cho sản xuất và cho nghiên cứu. Các nguyên vật liệu sử dụng đều khoán định mức sử dụng và đăng ký chỉ tiêu giảm hao hụt, giảm sản phẩm không phù hợp mỗi năm.
- Công ty sử dụng giấy hai mặt: tài liệu nội bộ sẽ được ưu tiên in bằng giấy đã in một mặt bị hư hoặc các giấy tờ không quan trọng đã qua sử dụng vẫn còn một mặt giấy trắng.
- Thủ tục, hồ sơ liên quan đến quản lý hệ thống được số hóa, các thông tin/thông báo được phân phối và phổ biến đến các đơn vị thông qua hệ thống mail nội bộ, cổng thông tin nội bộ và một số chương trình hỗ trợ khác của hoạt động IT.
- Sổ sách chứng từ kế toán chi tiết cũng được lưu trên phần mềm, hàng tháng chép dữ liệu vào ổ cứng, bảo quản mật và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

• Tiêu thụ năng lượng

- Năm 2017: sử dụng 3,825 triệu kwh/ năm với tổng tiền điện chi trả 7,323 tỷ đồng/năm. Năm 2018: sử dụng 3,943 triệu kwh/ năm với tổng tiền điện chi trả 7,772 tỷ đồng/năm (tăng 3,1% so với năm 2017), chiếm tỷ lệ khoảng 2.26% tổng chi phí Công ty trong năm 2018. Quá trình hoạt động tại nhà máy có sử dụng một lượng dầu DO vận hành máy phát điện dự phòng tại nhà máy với lượng sử dụng trung bình 40 lít/ tháng. Do từ cuối tháng 12 năm 2017 và đầu tháng 01/2018, giá bán điện của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM tăng bình quân khoảng từ 101,77% - 106,55% đã làm tăng chi phí sử dụng điện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, nhất là trong giờ cao điểm.

- Phát huy lợi thế là một doanh nghiệp dược có hệ thống quản lý chất lượng vững chắc, một lần nữa, PMC tiên phong ứng dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tích hợp vào hệ thống đã xây dựng. Đây là bộ tiêu chuẩn về quản lý năng lượng được Tổ chức Tiêu Chuẩn Hóa Quốc Tế áp dụng từ 2011 và được xem như một công cụ đắc lực giúp cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, từ đó tiết giảm được chi phí, giảm tác động đối với môi trường cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tiết kiệm năng lượng là tiêu chí đầu tiên trong sản xuất và hoạt động của Pharmedic để hạ giá thành sản phẩm, giảm chi phí hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.
- Năm 2018, Công ty đã nỗ lực tiết kiệm trong sử dụng năng lượng như: tắt thiết bị khi không sử dụng, sắp xếp hợp lý hóa sản xuất, đồng thời thực hiện hàng loạt những cải tiến trong đó có việc thay thế các thiết bị và chiếu sáng ít hao phí điện năng. Sử dụng dây chuyền, công nghệ sạch, hiện đại, ít tiêu hao năng lượng và không ảnh hưởng đến môi trường. Mỗi năm, Công ty có ký cam kết thực hiện tiết kiệm năng suất tiêu thụ điện.
- Ngoài ra, hàng năm Pharmedic cũng tích cực vận động toàn thể CB-CNV hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất, với thông điệp năm 2017 là “Tắt đèn – bật tương lai” diễn ra ngày 25/03/2017 cùng chung tay bảo vệ hành tinh xanh và nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu toàn và tiết kiệm năng lượng trên toàn thế giới.

• Tiêu thụ nước

- Nhu cầu sử dụng nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt, tưới cây, phòng cháy và dự trữ cho mục đích khác. Năm 2018, tổng lượng nước tiêu thụ 6.560 m³ với số tiền 85,044 triệu đồng so với năm 2017 tổng lượng nước tiêu thụ 7.810 m³ với số tiền 97,917 triệu đồng. Ngoài nguồn nước do Công Ty TNHH MTV Cấp Nước Sài Gòn cung cấp, tại Nhà máy công ty có sử dụng thêm nguồn nước ngầm từ 02 giếng khoan hiện hữu với nhu cầu sử dụng trung bình khoảng 3.042 m³/ tháng, tương đương khoảng 100 m³/ ngày.
- Hiện tại, để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước, PMC đã tiến hành chuẩn hóa đường ống, lắp đặt lại thủy kế mới (đồng hồ nước) có kiểm định của đơn vị cấp nước thành phố cho tất cả các đơn vị có sử dụng nước. Có theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mở, sử dụng đúng mục đích và giáo dục ý thức tiết kiệm.
- Việc thực hiện tiết kiệm được duy trì đánh giá hàng tháng, nguồn nước công ty sử dụng từ hệ thống nước cấp thủy lực, áp dụng công nghệ lọc chuẩn cấp nước sạch cho các nhà máy sản xuất hóa dược, nguồn nước thải từ hệ thống lọc đã được tái sử dụng tưới cây chung quanh của khu vực.

• Kiểm soát nước thải, khí thải và chất thải

❖ Nước thải

Nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt là do hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên, chủ yếu nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh với

lượng phát sinh khoảng 20 m³/ ngày (nhà máy không hoạt động bếp ăn tập thể tại xưởng sản xuất).

Nước thải sinh hoạt có thể gây ô nhiễm bởi các chất hữu cơ dạng lơ lửng và hòa tan, có thể có chứa các vi trùng. Loại nước thải này cần thiết phải tiến hành xử lý để đạt các quy chuẩn môi trường quy định trước khi xả vào cống thoát nước chung của khu vực.

Nước mưa chảy tràn

Nước mưa thường được quy ước là “nước sạch”, tuy nhiên khi nước mưa chảy qua khu vực có chứa chất ô nhiễm sẽ làm phát sinh nước chứa thành phần ô nhiễm và lượng nước này cũng cần phải được xử lý trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận của khu vực.

Tuy nhiên, tại nhà máy sản xuất của công ty, toàn bộ nền nhà xưởng, khu vực sản xuất được che chắn tốt nên nước mưa chảy tràn trên mái nhà xưởng rồi theo đường ống chảy trực tiếp ra cống thoát nước chung của khu vực.

Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất chủ yếu phát sinh trong quá trình pha chế thuốc, vệ sinh thiết bị, rửa chai từ phân xưởng thuốc viên, phân xưởng thuốc nước và một lượng nhỏ nước thải từ phòng kiểm nghiệm sản phẩm của Nhà máy. Lượng nước thải sản xuất phát sinh trung bình khoảng 100 m³/ngày.

Nước thải sản xuất của Nhà máy được dẫn ra hệ thống xử lý nước thải của Công ty với công suất 150 m³/ngày.đem theo hệ thống cống ngầm để được xử lý bằng công nghệ hóa lý kết hợp vi sinh hiếu khí. Nước thải sau xử lý phải đạt chuẩn cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT mới được thoát vào nguồn tiếp nhận của khu vực.

Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế với công suất xử lý 150 m³/ngày.đem theo công nghệ hóa lý – vi sinh, hoạt động liên tục.

❖ Khí thải

Quá trình hoạt động của doanh nghiệp phát sinh các nguồn ô nhiễm không khí như sau:

Nguồn ô nhiễm khí thải, bụi từ giao thông

Nguồn ô nhiễm khí thải từ giao thông phát sinh từ các phương tiện vận chuyển và từ khâu nhận nguyên liệu có chứa các thành phần chất ô nhiễm trong khí thải, chủ yếu là CO_x, NO_x, SO_x, Cacbonhydro, bụi... Mức độ ô nhiễm khí thải giao thông phụ thuộc nhiều vào chất lượng đường sá, mật độ giao thông và số lượng nhiên liệu tiêu thụ. Đây là nguồn chất thải di động và vùng khuếch tán rộng, do đó ô nhiễm khí thải giao thông không đáng kể.

Nguồn ô nhiễm khí thải từ vận hành máy phát điện dự phòng

Để đáp ứng luôn luôn cung cấp điện ổn định cho hoạt động sản xuất của nhà máy, nhà máy có trang bị 04 máy phát điện dự phòng có công suất là 250-390 KVA đề phòng lưới điện khu vực đột ngột bị mất. Với nhiên liệu sử dụng là dầu DO (0,05 % S), khí thải của máy phát điện chứa những chất ô nhiễm như: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC...

Tuy nhiên, máy phát điện này chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện và hiện nay trong khu vực nguồn điện rất ổn định, do đó máy phát điện thường sử dụng không thường xuyên và tổng lượng phát thải từ máy phát điện là không đáng kể.

Nguồn ô nhiễm bụi từ quá trình sản xuất

Quá trình sản xuất có phát sinh bụi từ công đoạn pha chế, phối trộn nguyên liệu, đặc biệt là các công đoạn sản xuất thuốc dạng bột. Bụi phát sinh từ quá trình này thường có kích thước nhỏ nên có khả năng gây ô nhiễm trực tiếp đến công nhân lao động tại xưởng nếu hít vào mà không có biện pháp giảm thiểu xử lý thích hợp.

Mặc dù tải lượng bụi sinh ra trong quá trình hoạt động của Nhà máy không lớn nhưng Nhà máy cũng thực hiện các biện pháp hạn chế tối đa sự ô nhiễm bụi này như bụi sinh ra giai đoạn pha chế được xử lý bằng thiết bị lọc túi vải tay áo. Nhà máy tổ chức kiểm tra định kỳ hệ thống lọc bụi này 1 tuần/ lần và thực hiện thu gom lượng bụi này chuyển giao cho Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) xử lý theo thành phần chất thải rắn nguy hại.

Ngoài ra, đối với công nhân trực tiếp hoạt động tại các khâu phát sinh bụi cao và các khâu sản xuất khác đều được nhà máy trang bị khẩu trang, trang phục bảo hộ lao động chống bụi cho công nhân trực tiếp sản xuất.

❖ Chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên của công ty bao gồm: thực phẩm dư thừa, túi nilon, giấy... với khối lượng khoảng 140 kg/ ngày, ước tính khoảng 3 tấn/ tháng.

Chất thải này thường chứa thành phần dễ phân hủy nên có khả năng phân hủy nhanh phát sinh mùi hôi và gây ô nhiễm môi trường nếu không được thu gom xử lý hàng ngày. Công ty đã ký hợp đồng với các công ty môi trường thu gom và xử lý theo đúng quy định của nhà nước.

Chất thải công nghiệp không nguy hại

Lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại của công ty chủ yếu là bao bì, giấy, nhựa, nilon hư hỏng... với lượng phát sinh khoảng 400 kg/ tháng. Các chất thải này có thể tái sử dụng nên được nhà máy thu gom bán phế liệu hoặc trả lại nhà cung cấp, công ty đã thực hiện thu gom để xử lý hoặc tái sử dụng lại.

Chất thải công nghiệp nguy hại

Chất thải rắn công nghiệp nguy hại của công ty chủ yếu là: dược phẩm kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng, bóng đèn huỳnh quang, dung môi thải... với lượng phát sinh không ổn định. Tuy nhiên, nhận thức được mức độ nguy hại của chất thải nguy hại này nên nhà máy chúng tôi tuân thủ theo các quy định của nhà nước về quản lý chất thải nguy hại.

Chất thải rắn công nghiệp nguy hại được tập trung và chứa tại kho riêng biệt, có dán nhãn theo mã chất thải nguy hại theo quy định. Chất thải rắn công

ng nghiệp nguy hại được nhà máy thu gom riêng và ký hợp đồng xử lý với Công ty TNHH Xi Măng Holcim Việt Nam.

❖ Tiếng ồn, rung

Tiếng ồn, rung từ hoạt động sản xuất của nhà máy thường phát sinh chủ yếu từ quá trình vận hành của các máy móc trang thiết bị; từ hoạt động của máy phát điện dự phòng và từ phương tiện vận chuyển ra vào khu vực nhà xưởng.

Tiếng ồn phát sinh vượt ngưỡng hoặc vượt quy chuẩn môi trường cho phép sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của dân cư xung quanh và đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân lao động tại xưởng. Do đó, việc giảm thiểu ô nhiễm ồn cũng rất cần thiết và cần được quan tâm xử lý.

Đối với hoạt động tại nhà máy, độ ồn phát sinh từ máy phát điện và từ phương tiện vận chuyển thường không đáng kể do đây là các nguồn thải phân tán, không thường xuyên nên khả năng phát sinh ô nhiễm không đáng kể. Đối với ồn phát sinh từ vận hành thiết bị hiện cũng không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh do khu vực sản xuất của chúng tôi được bố trí che chắn kín, cách ly với xung quanh bởi khoảng kho bãi và sân rộng lớn nên khả năng phát tán ồn ra môi trường bên ngoài là không đáng kể.

❖ Nguồn phát sinh nhiệt

Trong quá trình hoạt động sản xuất nhiệt thừa chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành các máy móc thiết bị. Nhiệt độ làm việc trong phạm vi phân xưởng sản xuất phát sinh chủ yếu do:

- Nhiệt thừa phát sinh từ các máy móc thiết bị sản xuất
- Nhiệt tỏa ra do thắp sáng
- Nhiệt tỏa ra do người

Bên cạnh đó, do điều kiện khí hậu Nam Bộ khá nóng bức, nhất là các tháng mùa khô bức xạ mặt trời xuyên qua mái tole vào những ngày nắng gắt góp phần làm tăng nhiệt trong nhà xưởng. Việc giảm thiểu ô nhiễm nhiệt cũng cần thiết nhằm tăng cường điều kiện vi khí hậu thuận lợi cho hoạt động và sức khỏe của công nhân và tạo điều kiện cho công nhân làm việc tốt hơn, cụ thể như xây dựng nhà xưởng đúng theo quy định nhà công nghiệp, sử dụng vật liệu chống nóng, trang bị hệ thống xử lý không khí để điều hòa nhiệt độ và lưu thông gió theo tiêu chuẩn GMP – WHO...

• Kết quả giám sát môi trường định kỳ

Để thực hiện Báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định, Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu PHARMEDIC đã sử dụng kết quả do:

Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động đo đạc tại nhà máy sản xuất ở đường Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 vào ngày 02/11/2018.

Kết quả cụ thể như sau:

Kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh nhà máy

Chỉ tiêu/Điểm đo	Độ ồn dBA	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
1.Khu vực cổng ra vào (09h00')	58	0,11	0,052	0,026	2,49
2.Khu vực cửa kho (09h00')	57	0,15	0,079	0,052	2,05
3.Khu vực văn phòng (09h00')	51	0,12	0,088	0,041	3,17
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878- 2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1995	TCVN 6137:2009	SOP-K01
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và khu dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6-21 giờ: 70 21- 6 giờ: 55	:			
QCVN 24: 2016/BYT	≤ 85				
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05: 2013/2013/BTNMT)		0,3	0,35	0,2	30
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/QĐ- BYT)		6	5	5	20

(Nguồn: Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động, kết quả số 223-10/18-1/KQPT ngày 02/11/2018)

* Riêng khu vực trạm phát điện thì do trạm phát điện chỉ sử dụng khi hệ thống điện Quốc gia bị mất điện, nhưng do công ty thường làm bù khi có sự cố mất điện, nên trạm phát điện hầu như không sử dụng. Vì vậy, ở vị trí này không đo đạc. Khi nào có sử dụng thường xuyên công ty sẽ tiến hành đo đạc theo đúng như trong Đề án Bảo vệ Môi trường chi tiết.

➤ **Đánh giá:**

Kết quả đo nồng độ bụi, CO, SO₂, NO₂, nhiệt độ, độ ẩm khu vực xung quanh nhà máy đều đạt quy chuẩn môi trường quy định. Từ đó ta có thể kết luận nhà máy của công ty thực hiện khá tốt các biện pháp giảm thiểu khí thải, bụi phát sinh từ sản xuất.

Ổng khói của máy phát điện dự phòng không lấy mẫu phân tích được do hệ thống điện quốc gia ổn định nên không sử dụng máy phát điện dự phòng.

• Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất sau xử lý

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Giá trị C (Cột B)	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	6,03	5,5 - 9	TCVN 6492: 2011
2.	COD	mg/l	41	150	SMEWW 5220 (C):2012
3.	BOD ₅	mg/l	15	50	TCVN 6001-1: 2008
4.	TSS	mg/l	15<LOQ (LOQ=16,7)	100	SMEWW 2540D:2012
5.	Tổng Nitơ	mg/l	0,523	40	SMEWW 4500N-C:2012
6.	Tổng phospho P _{tc}	mg/l	0	6	TCVN 6202: 2008
7.	Fe	mg/l	0,199	5	TCVN 6177: 1996
8.	Pb	mg/l	KPH (LOD=25x10 ⁻⁴)	0,5	TCVN 6193B: 1996
9.	Độ màu	Pt-Co	9<LOQ (LOQ=16,7)	150	SMEWW 2120B: 2012
10.	Dầu mỡ khoáng	mg/ml	KPH (MDL=0,3)	10	TCVN 5070-1995
11.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.500	5.000	TCVN 6187-2-1996

(Nguồn: Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động ngày 27/04/2018)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Giá trị C (Cột B)	Phương pháp phân tích
12.	Tổng phospho	mg/l	0,03	≤ 6	SMEWW 4500P-2017
13.	pH	-	8,10	5,5 - 9	TCVN 6492: 2011
14.	Chlor dư	mg/l	< 0,15	≤ 2	HD.PP.58/KXN.LH
15.	TSS	mg/l	4,78	≤ 100	SMEWW 2540D:2017
16.	Amoni, tính theo N	mg/l	< 4,5	≤ 10	SMEWW 4500 – NH ₄ ⁺ -2017
17.	BOD ₅	mg/l	5,56	≤ 50	Rè.SMEWW 5210 D- 2012
18.	COD	mg/l	15,5	≤ 150	SMEWW 5220 (C):2017
19.	Tổng Nito	mg/l	< 4,50	≤ 40	SMEWW 4500N- C:2017
20.	Cyanua	mg/l	KPH (MLOD =0,005)	≤ 0,1	SMEWW 4500 – CN ⁻ E-2017
21.	Tổng phenol	mg/l	0,0040	≤ 0,5	TCVN 6216:1996
22.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	< 3	≤ 5.000	TCVN 6187-2-1996

(Nguồn: Viện Y Tế Công Cộng Thành Phố Hồ Chí Minh kết quả phân tích số 027837/VYTCC ngày 14/12/2018)

➤ Nhận xét và đánh giá:

Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất sau xử lý có các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn môi trường QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Từ đó cho thấy hệ thống xử lý nước thải của nhà máy hoạt động hiệu quả và nhà máy sẽ tiếp tục duy trì chế độ vận hành và bảo dưỡng thường xuyên.

• An toàn vệ sinh trong sản xuất

Vệ sinh an toàn lao động

Theo kết quả đo đạt môi trường lao động hàng năm do Trung tâm Y tế Dự phòng thực hiện thì các kết quả đều đạt yêu cầu theo Thông tư số 19/TT-BYT về việc Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp (nguy cơ mắc các bệnh không cao). Pharmedic có cam kết thỏa ước với người lao động về các vấn đề an toàn và sức khỏe; đồng thời có Quyết định ban hành qui định về nội qui lao động. Công ty đã thực hiện các biện pháp vệ sinh an toàn lao động như sau:

- Thực hiện Chương trình kiểm tra và giám định sức khỏe định kỳ cho nhân viên.

- Đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường lao động nơi làm việc và trang bị đầy đủ quần áo và thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động theo yêu cầu công việc.
- Bố trí cán bộ chuyên trách về vệ sinh và an toàn lao động. Giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của nhân viên trong nhà máy theo định kỳ mỗi năm.
- Ban Lãnh đạo nhà máy đã quan tâm đến môi trường làm việc của công nhân, có lắp đặt hệ thống xử lý không khí trên toàn bộ khu vực sản xuất. Thường xuyên kiểm tra và theo dõi các thiết bị máy móc nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, cũng như thực hiện tốt công tác an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.
- Đối với an toàn lao động, Nhà máy đã trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân. Định kỳ hằng năm tiến hành kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Phòng chống sự cố

Nhà máy có trang bị các phương tiện và thiết bị PCCC như: hệ thống báo cháy, bình chữa cháy, đường ống nước chữa cháy riêng biệt. Các thiết bị phục vụ công tác PCCC được kiểm tra định kỳ hàng năm và luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

- Nhân viên được đào tạo về PCCC và diễn tập PCCC định kỳ mỗi năm
- Máy móc thiết bị được kiểm tra an toàn nói đất định kỳ hàng năm và có hệ thống thu lỗi, chống sét đầy đủ.

Thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như: nồi hơi, nồi hấp được kiểm định định kỳ hàng năm theo quy định của nhà nước.

2. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

- Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua các báo cáo định kỳ như sau:
 - + Báo cáo giám sát môi trường;
 - + Báo cáo xử lý chất thải nguy hại;
 - + Đối với khí thải và chất thải rắn công ty luôn đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn quy định và kết hợp với một số đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng quy định;
 - + Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải và các biện pháp giảm thiểu xử lý chất thải đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về môi trường.
- Tuân thủ các quy định của Bộ y tế về sản xuất dược phẩm.
- Thực hiện nghiêm túc công tác phòng cháy chữa cháy, duy trì trật tự, an toàn trong toàn công ty, xây dựng nét đẹp văn hóa nơi công sở.
- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải và các biện pháp giảm thiểu xử lý chất thải, đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về môi trường.
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí qua việc rà soát các công tác, chi phí

trong toàn Công ty.

- Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Cam kết trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường, Công ty sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam.

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển của mình, công ty Pharmedic luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng với những hoạt động thiết thực có ích cho xã hội. Trong thời gian qua, công ty Pharmedic đã tài trợ chương trình “vui cùng bé yêu” và mua xe lăn cho Hội Thanh niên khuyết tật, hỗ trợ tại địa phương chăm lo Tết Mậu Tuất cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ chương trình "Tết vì người nghèo xuân Mậu Tuất 2018" cho trẻ em nghèo tại Quận 12, hỗ trợ chương trình “chuyến xe yêu thương” cho sinh viên Trường Đại học Bách Khoa, hỗ trợ hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” tri ân các anh hùng liệt sĩ tại Côn Đảo và Đất Mũi Cà Mau, ... Bên cạnh đó, công ty Pharmedic còn góp sức thực hiện những chương trình chung sức vì sức khỏe cộng đồng, tuyên truyền giáo dục y tế tại các tỉnh Miền Tây.
- Ngoài ra, công ty Pharmedic còn hỗ trợ, tài trợ đến những chương trình, dự án mang tính cộng đồng. Trong năm 2018, công ty Pharmedic là đơn vị tài trợ cho chương trình “Chấp cánh ước mơ – Vươn tới tương lai”. Khát vọng của tuổi trẻ là có cơ hội được học tập và phát triển, có cơ hội để lập thân, lập nghiệp, nên ước mơ vào đại học là ước mơ chính đáng, tha thiết và cao đẹp của nhiều người. Tuy nhiên, con đường đến với ước mơ đó không phải bằng phẳng đối với những thí sinh vùng sâu, vùng xa, những thí sinh có hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn nhưng có ý chí phấn đấu, đạt kết quả tốt trong học tập.
- Ngoài các hoạt động thường niên trên, Pharmedic còn tham gia Chương trình “Người Việt ưu tiên dùng thuốc Việt” từ Bộ Y tế Đây là một trong những thông điệp khuyến khích người tiêu dùng Việt Nam dựa theo Cuộc vận động của Chính Phủ “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.
- Các đoàn thể tham gia tích cực phong trào do địa phương phát động, tổ chức thi đấu giao hữu, giao lưu văn hóa trong và ngoài ngành. Tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh cho người lao động và mối quan hệ khăng khít với các đơn vị bạn, cơ quan ban ngành tại địa phương.
- Kết quả hoạt động thực tế cho thấy, việc hỗ trợ cộng đồng không chỉ là sợi dây liên kết giữa nhà sản xuất với người sử dụng sản phẩm về mặt tinh thần mà nó còn mang lại lợi ích kinh tế không nhỏ do việc tin tưởng vào sản phẩm và uy tín của Công ty, và chính họ là những người mở rộng thêm những mối quan hệ mới cho công ty.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

- **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, nhất là kiểm soát chặt

chế các nguồn thải. Các loại chất thải đều được xử lý hoặc xử lý theo đúng quy định trước khi đưa vào môi trường. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định trong lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước: định kỳ thực hiện báo cáo giám sát 06 tháng, đã được Sở Tài nguyên Môi trường cấp phép đăng ký khai thác sử dụng nước ngầm và đăng ký xả thải vào nguồn nước theo quy định; đã được Sở Tài nguyên Môi trường cấp quyết định phê duyệt Đề án Bảo vệ Môi trường đối với hoạt động của nhà máy tại địa phương. Công ty luôn luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất góp phần bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.

- **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Công ty Pharmedic đã thực hiện nhiều chính sách an sinh phúc lợi hướng đến người lao động như: tổ chức khám sức khỏe định kỳ, thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN cho toàn thể người lao động, thực hiện chương trình team building, các chính sách ưu đãi cho lao động nữ nhân ngày 20/10, 8/3 và hỗ trợ cho lớp tập yoga tại Công ty; thưởng cho người lao động nhân ngày thành lập công ty, ngày 27/2, v.v... Thực hiện đúng các nội dung trong thỏa ước lao động tập thể, các chế độ đãi ngộ đối với người lao động công tác xa nhà, ngoài ra thực hiện phong trào ủng hộ các công đoàn viên gặp khó khăn.

Nguồn nhân lực được đặt lên vị trí hàng đầu trong chiến lược Phát triển bền vững của Pharmedic. Để nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của mình, đặc biệt là đội ngũ quản lý, bán hàng và lao động chất xám trong ngành dược, Pharmedic phải đầu tư rất nhiều cho công tác đào tạo. Từ đó, không những phải tuyển dụng, thu hút nhân tài mà việc tránh để mất đi chi phí cơ hội do đào tạo và tái đào tạo, việc giữ chân người lao động cũng trở nên quan trọng tại Pharmedic. Nhận thức được vai trò của con người đối với doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đảm bảo những quyền và lợi ích của người lao động theo đúng đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước. Do vậy, các chính sách lương thưởng cho người lao động, phúc lợi và tạo ra một môi trường văn hóa tốt cho việc làm bền vững là cách thức để thu hút và giữ chân hữu hiệu nhất.

PHẦN 5. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS)

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Bà Phạm Thị Hoàng	Trưởng BKS	29/04/2014	04	80%	Do bận công tác
2.	Ông Lê Hữu Hùng	Kiểm soát viên	29/04/2014	04	80%	Do bận công tác
3.	Ông Nguyễn Thế Phong	Kiểm soát viên	29/04/2014	05	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông, trong việc chấp hành điều lệ của Công ty.
- Giám sát kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.
- Kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty theo từng quý và kết thúc năm tài chính.
- Xem xét các báo cáo do tổ chức kiểm toán thực hiện.
- Tham gia giám sát thanh lý nguyên vật liệu, hàng hóa.
- Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát hiện những thiếu sót, từ đó đề ra những kiến nghị và giải pháp chấn chỉnh kịp thời. Chương trình nghị sự của các cuộc họp HĐQT tập trung vào các vấn đề chủ yếu như: đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý, giải quyết những khó khăn vướng mắc, bàn bạc kế hoạch phát triển, kế hoạch xin chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy mới tại Quận 9, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết đề ra của phiên họp kỳ trước, triển khai việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Đề xuất lập các quy chế cần thiết, góp phần hoàn thiện các quy chế đã có.
- Đề xuất chọn Công ty kiểm toán độc lập trình ĐHCĐ để thực hiện việc kiểm toán.
- Trong năm 2018, BKS không nhận được yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành nhưng vẫn mang tính chất độc lập. Trong năm, các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành đều có mặt của BKS tham dự nhằm nâng cao chất lượng, cũng như tính độc lập trong hoạt động kiểm soát.
- HĐQT đã cung cấp kịp thời và đầy đủ các Nghị quyết và Quyết định cho BKS. Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.
- Các kiến nghị của BKS đều được HĐQT, Ban điều hành xem xét, đánh giá kỹ lưỡng, nhiều vấn đề được trao đổi tại các cuộc họp. Đối với các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động quản lý, điều hành do BKS kiến nghị được HĐQT, Ban điều hành ghi nhận và tìm cách giải quyết.
- Ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT trong việc điều hành. Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và chỉ đạo các phòng, ban chức năng thực hiện các biện pháp để hoàn thành kế hoạch. Nhờ vậy, đạt được các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng về tổng doanh thu, về lợi nhuận. Ngoài ra, còn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên, phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.

4. Phương hướng hoạt động năm 2019 của BKS

- BKS sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Giám sát HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính. Giám sát việc thực hiện những nội dung đề nghị, góp ý của đơn vị kiểm toán độc lập.
- Thực hiện công tác thẩm định các Báo cáo tình hình kinh doanh và Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT Công ty để trình ĐHĐCĐ.
- Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám sát việc tuân thủ đúng các quy trình và quy chế.
- Giám sát việc triển khai các dự án đầu tư mới.

5. Kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2018

Sau khi xem xét hồ sơ năng lực và mức phí dịch vụ kiểm toán tương ứng với phạm vi công việc và các dịch vụ cộng thêm do các công ty kiểm toán chào cho Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic, Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ủy quyền cho Ban Kiểm soát lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

PHẦN 6. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm vừa qua, cùng với sự đổi mới cơ chế quản lý, nền kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, lạm phát được kiểm soát. GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây là nhờ vào nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng mạnh, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt trong lĩnh vực Dược, khi mà hầu như nguyên liệu sản xuất thuốc đều phải nhập khẩu, việc tỷ giá ngoại tệ thay đổi dẫn đến giá nguyên liệu nhập khẩu biến động làm tăng giá thuốc thành phẩm, trong khi giá bán lại bị khống chế mức trần khiến các doanh nghiệp bị ảnh hưởng không ít. Trong khi đó, sự cạnh tranh khốc liệt về giá với thị trường dược phẩm, dược liệu trôi nổi, hàng nhái, hàng giả, sự cạnh tranh không lành mạnh. Chính vì vậy, không chỉ riêng Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (Công ty Pharmedic) mà ngành Dược cả nước đã phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc kinh doanh, tồn tại và phát triển.

Với tầm nhìn của một doanh nghiệp, để chọn cho mình hướng đi đúng và điều tiết tốt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm, cùng với sự nỗ lực của một tập thể tạo nên sự gắn bó và tin tưởng của quý khách hàng, Công ty Pharmedic đã giữ vững được đà tăng trưởng, duy trì và mở rộng các kênh phân phối mới, chủ động trong mọi hoạt động của mình. Đó là nét mới trong kinh doanh và quyết định sự thành công trong tình hình khó khăn chung của cả nước.

1. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương. Tập thể Lãnh đạo và người lao động đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn thực hiện tốt các giải pháp theo chỉ đạo của HĐQT và những biện pháp của Ban điều hành trong tổ chức triển khai sản xuất và phân phối sản phẩm cho thị trường góp phần mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Năm qua Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hoạt động tình nguyện, làm sạch môi trường, nâng cao kiến thức của cộng đồng trong các vấn đề về sức khỏe.

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Ban điều hành đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra, với tổng doanh thu đạt 462,985 tỷ đồng, tăng 5,22% so với kế hoạch và tăng 5,9% so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế 2018 đạt 92,56 tỷ đồng tăng 5,18% so với kế hoạch và tăng 1,14% so với năm 2017.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã theo sát hoạt động của Ban điều hành và ghi nhận nỗ lực của Ban điều hành trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đảm

bảo quyền lợi của Công ty, Cổ đông, người lao động và nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Ban điều hành nắm rõ nguồn lực của Công ty và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch, thích ứng với những biến động của thị trường.

Các thành viên Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với nhau và với các bộ phận khác trong công tác điều hành và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban điều hành cũng hỗ trợ kịp thời cho cán bộ công nhân viên, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện.

HĐQT nhận thấy Ban điều hành Công ty đã cố gắng thực hiện nhiều biện pháp củng cố công tác quản trị nội bộ liên quan đến bộ máy tổ chức, nhân sự và công tác sản xuất của các nhà máy. Trong năm 2019, HĐQT tiếp tục đề nghị Ban điều hành đề cao sự chủ động triển khai, xử lý các công việc mà mỗi Phó Tổng Giám đốc phụ trách. Ban điều hành cần tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy trình triển khai công việc của từng bộ phận.

Khép lại nhiệm kỳ 2014 – 2019, có thể nói là một giai đoạn thách thức với nhiều chuyển biến. HĐQT đã sát cánh cùng Ban điều hành đảm trách nhiều mục tiêu nhiệm vụ và trọng trách đan xen, Pharmedic đã có một vị trí nhất định trên thị trường và phân khúc. Đảm bảo chiến lược phát triển bền vững trung và dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự tăng trưởng khả quan cho cổ đông, chính sách ổn định cho người lao động, đồng thời đáp ứng tốt mong đợi của các bên liên quan khác.

Công ty đã giữ vững tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận ổn định trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và duy trì cổ tức cao cho cổ đông.

3. Định hướng phát triển của Hội Đồng Quản Trị

Tiếp tục triển khai các mục tiêu trong chiến lược phát triển của PHARMEDIC nhiệm kỳ 2019 – 2024.

- Tiếp tục giữ vững và phát triển vị thế PMC trên thị trường, phát triển ổn định doanh thu và lợi nhuận. Đến 2024, dự kiến phần đầu mức tăng trưởng với tổng doanh thu tăng 30% và lợi nhuận trước thuế tăng 20%.
- Giữ vững ổn định mức cổ tức từ 24%/ năm trở lên và được trả bằng tiền.
- Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới đạt tiêu chuẩn sản xuất dược phẩm theo quy định và nâng cấp tiêu chuẩn nhà máy hiện tại.
- Tiếp tục thực hiện dự án mở rộng phân xưởng Thuốc Nhỏ mắt tại Nhà máy hiện hữu.
- Đầu tư xây dựng hệ thống kho dược phẩm để mở rộng phân xưởng Thuốc nhỏ mắt.
- Mở rộng việc kinh doanh các sản phẩm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đưa thương hiệu ngày càng lớn mạnh trên thị trường trong nước và quốc tế với mục đích “PHARMEDIC – Sức khỏe và Niềm tin”.
- Mở rộng thị trường trong nước và gia tăng doanh số xuất khẩu.
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động R&D, sản xuất, thông tin, quản trị.

- Định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm và phân phối bảo vệ tốt môi trường, duy trì và phát huy các hoạt động đầu tư cho cộng đồng.
- Phát triển tốt mối quan hệ và tạo niềm tin lâu dài với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.
- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo đời sống của người lao động, đóng góp ổn định vào ngân sách của thành phố, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

PHẦN 7. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp, ban hành 10 Nghị quyết và 10 Quyết định, . Biên bản, Quyết định và Nghị quyết HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, lưu trữ theo đúng quy định và được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (BKS). Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát và Ban điều hành để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban điều hành.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo sự phân công của HĐQT.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương đầu tư và giám sát tiến độ thực hiện dự án mở rộng phân xưởng Thuốc Nhỏ mắt tại Nhà máy hiện đang trong giai đoạn đấu thầu.

Bổ nhiệm một số nhân sự cấp quản lý. Công ty đã áp dụng chính sách phù hợp theo từng thời kỳ để hợp lý hóa nguồn nhân lực và hiệu quả tiết kiệm chi phí.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Lê Việt Hùng	Chủ Tịch HĐQT không điều hành	29/04/2014	05	100%	
2.	Bà Mai Thị Bé	Phó Chủ Tịch HĐQT	29/04/2014	05	100%	
3.	Ông Trần Việt Trung	Thành viên HĐQT	29/04/2014	05	100%	
4.	Ông Cao Tấn Tước	Thành viên HĐQT	29/04/2014	05	100%	
5.	Ông Trần Văn Nhiều	Thành viên HĐQT Độc lập	29/04/2014	04	80%	Do bận công tác
6.	Ông Lê Văn Thiện	Thành viên HĐQT không điều hành	29/04/2014	05	100%	
7.	Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến	Thành viên HĐQT	29/04/2014	05	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động và điều hành của Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ hoạt động, Quy chế quản trị tại Công ty và thực hiện việc quản trị công ty theo quy định của Bộ Tài chính.
- HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp để nắm bắt tình hình và định hướng sản xuất của công ty. HĐQT cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp để ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện.
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, từ đó có những tư vấn và kiến nghị có giá trị hỗ trợ cho Ban Điều hành. Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm tra, giám sát bởi Ban Kiểm soát cũng như các bộ phận chuyên môn nhằm kiểm soát rủi ro hiệu quả nhất.
- HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, người lao động và các bên liên quan khác.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát nhằm giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn, sử dụng vốn hiệu quả và minh bạch; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty.
- Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chi trả cổ tức cho cổ đông và chăm lo tốt đời sống người lao động.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Tuy không thành lập các tiểu ban nhưng các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực, phụ trách làm việc với các Bộ phận chuyên môn có liên quan, nghe ý kiến tham mưu từ cơ sở để có những góp ý với Ban điều hành nhằm có biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn và chỉ đạo kịp thời phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác.
- Đầu tư công nghệ và hoàn thiện quy trình sản xuất theo quy định GP's và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.
- Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của công ty.
- Tham gia giám sát và kiểm tra việc thực hiện báo cáo tài chính theo quy định.
- Sửa đổi mô hình tổ chức hoạt động, sắp xếp lại các bộ phận với mục tiêu tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả toàn công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2018 vào ngày 21/4/2018, kỷ niệm 37 năm ngày thành lập Công ty (30/6/1981 – 30/6/2018).

- Triển khai việc chốt danh sách và chi trả cổ tức phần còn lại năm 2017 (ngày đăng ký cuối cùng 23/3/2018, ngày thanh toán 11/4/2018) và tạm ứng cổ tức năm 2018 (ngày đăng ký cuối cùng 15/8/2018, ngày thanh toán 27/8/2018).
- Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong nhiệm kỳ HĐQT đã sửa đổi, bổ sung 3 lần Điều lệ công ty và 1 lần Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn luật.
- Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Pháp luật bao gồm các nội dung: thông tin 24h, 72h và định kỳ (báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác).
- Thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử IDS và CIMS của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đã triển khai thực hiện và tiến hành công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

4. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành

Cơ cấu thành viên HĐQT của Pharmedic có 03/07 thành viên độc lập và thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tính “độc lập” của các thành viên tuân thủ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, nhờ đó đảm bảo tính khách quan và độc lập trong các quyết định của HĐQT.

Hội đồng quản trị rất đa dạng về kinh nghiệm chuyên môn và ngành nghề, tuy luôn có sự thống nhất trong các quyết định đưa ra nhưng vẫn đảm bảo duy trì tính độc lập cao. Trong năm qua, Các thành viên độc lập và không điều hành đã đóng góp tích cực vào hoạt động của HĐQT. Không những chịu trách nhiệm phân tích định kỳ về tình hình kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ, các thành viên còn mang đến nhiều thông tin cập nhật của ngành dược, những tư vấn có giá trị về định hướng chiến lược, thị trường, đối tác cho Ban Điều hành. Bên cạnh đó, các thành viên còn tư vấn các vấn đề liên quan đến nhân sự cấp cao, lương thưởng của Công ty.

5. Các Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	20/NQ-ĐHĐCĐ	21/4/2018	<p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2017 và phương hướng kế hoạch năm 2018. 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017

			<p>và chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.</p> <p>3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình về bổ sung ngành nghề kinh doanh.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình về sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.</p> <p>7. Thông qua Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>
2.	02/NĐ-HĐQT	22/01/2018	<p>Nghị quyết của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các Báo cáo thực hiện và kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính tháng 12/2017, cả năm 2017 và kế hoạch năm 2018. - Thông qua Báo cáo tình hình quỹ thù lao Hội đồng quản trị 6 tháng cuối năm 2017. - Thông qua nhân sự Trưởng Phòng Công nghệ thông tin.
3.	03/NQ-HĐQT	22/01/2018	<p>Nghị quyết của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tài chính năm 2018. - Thông qua bổ sung chi tiết ngành nghề kinh doanh và trình Đại hội đồng cổ đông.
4.	04/NQ-HĐQT	22/01/2018	<p>Nghị quyết của Hội đồng quản trị thống nhất thông qua mức trả cổ tức bằng tiền phần còn lại năm 2017.</p>
5.	09/QĐ-HĐQT	05/3/2018	<p>Quyết định về việc nâng lương của Phó Tổng giám đốc.</p>
6.	15/QĐ-HĐQT	04/4/2018	<p>Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p>

7.	16/NQ-HĐQT	09/4/2018	<p>Nghị quyết của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tài chính năm 2018 lần 2. - Thông qua bổ sung chi tiết ngành nghề kinh doanh và trình Đại hội đồng cổ đông.
8.	18/NQ-HĐQT	17/4/2018	<p>Nghị quyết của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các Báo cáo thực hiện và kế hoạch sản xuất – kinh doanh tháng 3/2018 và 03 tháng đầu năm 2018. Báo cáo tài chính tháng 02/2018 và 02 tháng đầu năm 2018. Báo cáo phân phối lợi nhuận và quỹ thù lao của HĐQT năm 2017 sau kiểm toán. - Thông qua việc tìm khu đất để xây dựng kho cho Công ty phù hợp với quy hoạch của thành phố. - Thông qua chương trình, nội dung và dự thảo tài liệu trình ĐHCĐ thường niên năm 2018.
9.	21/NQ-HĐQT	23/4/2018	Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.
10.	24/PMC-HĐQT	29/6/2018	Quyết định về việc ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
11.	25/PMC-HĐQT	29/6/2018	Quyết định về việc ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
12.	28/QĐ-HĐQT	02/7/2018	Quyết định về việc nâng lương của Tổng Giám đốc.
13.	29/QĐ-HĐQT	02/7/2018	Quyết định về việc nâng lương của Phó Tổng giám đốc – Bà Mai Thị Bé.
14.	30/QĐ-HĐQT	02/7/2018	Quyết định về việc nâng lương của Phó Tổng giám đốc – Ông Phan Xuân Phong.
15.	31/QĐ-HĐQT	02/7/2018	Quyết định về việc nâng lương của Phó Tổng giám đốc – Ông Cao Tấn Tước.
16.	32/QĐ-HĐQT	02/7/2018	Quyết định về việc nâng lương của Phó Tổng giám đốc – Ông

			Trà Quang Trinh.
17.	40/NQ-HĐQT	27/7/2018	Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua mức tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2018.
18.	41/NQ-HĐQT	27/7/2018	Nghị quyết của Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính tháng 6/2018 và 06 tháng đầu năm 2018. Báo cáo phân phối lợi nhuận và quỹ thù lao của HĐQT 6 tháng đầu năm 2018. - Thông qua bổ sung Điều 18 về hỗ trợ đào tạo vào Quy chế Chi tiêu nội bộ của Công ty. Bổ sung Tờ trình về mua xe vận chuyển hàng hóa vào kế hoạch mua sắm tài sản năm 2018.
19.	49/NQ-HĐQT	31/10/2018	Nghị quyết của Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các báo cáo thực hiện và kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính tháng 9/2018, 9 tháng đầu năm 2018 và ước thực hiện năm 2018. - Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tài chính năm 2019.
20.	51/NQ-HĐQT	20/11/2018	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua chủ trương đầu tư dự án: Mở rộng Phân xưởng Thuốc Nhỏ mắt tại Nhà máy.
21.	54/QĐ-HĐQT	22/11/2018	Quyết định về việc thành lập Ban điều hành dự án mở rộng Phân xưởng Thuốc Nhỏ mắt.

6. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty. Tham gia khóa đào tạo về Quản trị nhân sự thời kỳ đổi mới 4.0.

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Ban điều hành công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công nhận.

7. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành

Thu nhập bình quân tháng năm 2018 (lương + thưởng+ thù lao HĐQT) (chưa trừ thuế TNCN) của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty như sau:

- Chủ tịch HĐQT	: 38,370 tr đồng
- Thành viên HĐQT	: 22,500 -
- Trưởng Ban kiểm soát	: 22,500 -
- Thành viên BKS	: 18,000 -
- Tổng giám đốc (kiêm TV HĐQT)	: 120,398 -
- Phó TGD SX (kiêm PCT HĐQT)	: 106,800 -
- Phó TGD TC (kiêm TV HĐQT)	: 100,573 -
- Phó TGD HCTC (kiêm TV HĐQT)	: 82,096 -
- Phó TGD Kinh doanh	: 68,146 -
- Phó TGD Nghiên cứu Phát triển	: 57,800 -
- Phó TGD Chất lượng	: 60,555 -

8. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Không có các giao dịch trên.

9. Giao dịch với các bên liên quan

Nội dung này được trình bày trong Mục VII.2b của Thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 đã kiểm toán.

10. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Hoàn thiện các hoạt động quản trị Công ty theo những thông lệ và thực hành tiên tiến, đánh giá lại các thể điểm quản trị Công ty, cũng như tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC về quản trị công ty, theo đó HĐQT đã sửa đổi Điều lệ và Quy chế về quản trị Công ty. Việc đánh giá các hoạt động của các thành viên HĐQT và BKS cũng sẽ được chặt chẽ hơn nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên Pharmedic đã cải tiến rất nhiều hoạt động liên quan đến:
 - + Quyền cổ đông: Pharmedic tạo mọi điều kiện cho cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, thanh toán cổ tức đầy đủ và đúng hạn với chính sách rõ ràng.
 - + Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông: cổ đông có quyền được chỉ định người đại diện được ủy quyền và quyền biểu quyết trong cuộc họp ĐHĐCĐ. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT và BKS phải được ĐHĐCĐ thông qua.
 - + Tăng cường gắn kết và tham vấn các bên liên quan: cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng địa phương ...
 - + Thành viên HĐQT và cơ cấu đảm bảo tính độc lập và đa dạng về chuyên môn, Chủ tịch không kiêm Tổng Giám đốc, nâng cao vai trò và trách nhiệm của thành viên độc lập và không điều hành, thực hiện đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT.

- Xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của Công ty nên chính sách đào tạo là một trong những chính sách chất lượng luôn được duy trì trong suốt cả nhiệm kỳ và còn tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nhằm đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty đồng thời phát huy được trình độ năng lực, khai thác được tiềm năng và tính sáng tạo của mỗi con người.
- Được Hiệp Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao – Báo Sài Gòn Tiếp thị chứng nhận đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn. Danh hiệu: “Doanh nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường” và “Thương hiệu xuất sắc 3 miền và doanh nhân xuất sắc 3 miền”. Top 50 thương hiệu phát triển bền vững. Top 30 doanh nghiệp thực hiện quản trị công ty tốt nhất HNX 2016-2017. Top 10 doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch của HNX.





Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a. Cổ phần: tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành 9.332.573 cổ phần, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do 9.332.573 cổ phần.
- b. Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông ngày 22/03/2019:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước (Cty TNHH MTV Dược Sài Gòn – Sapharco)	1	4.054.309	43,44%
2	Cổ đông trong nước : Tổ chức Cá nhân	27 1.648	306.776 2.959.253	3,29% 31,71%
3	Cổ đông nước ngoài : Tổ chức Cá nhân	15 49	1.648.238 363.997	17,66% 3,90%
	Tổng cộng	1.740	9.332.573	100%

- Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu: cổ đông sở hữu nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên có quyền biểu quyết 49,78%. Cổ đông nắm giữ từ dưới 5% đến 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết 15,28%. Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết 34,94%.
- c. Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :
 - Trong năm 2018, Công ty không tăng vốn cổ phần.
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác : không có

PHẦN 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán và đăng tải trên website Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic theo đường dẫn sau:

<http://www.pharmedic.com.vn/> vào mục “Quan hệ cổ đông”.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Giá trị Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng : 156-158 Đê Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3999 00 91-97 Fax : +84 (28) 3999 00 90
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic, sau đây gọi tắt là “Công ty” (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC), là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển thể từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh Dược phẩm Dược liệu thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4261/QĐ-UB ngày 13 tháng 08 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 1997 và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi ngày 06 tháng 07 năm 2018 về việc bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh.

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : PMC

Vốn điều lệ : 93.325.730.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	40.543.090.000	43,44
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	52.782.640.000	56,56
Cộng	93.325.730.000	100,00

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) – 3920 0502

Fax : +84 (28) – 3920 0096

Mã số thuế : 0 3 0 0 4 8 3 0 3 7

▪ Nhà máy sản xuất

Địa chỉ : 1/67 đường Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn chi tiết: In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu chi tiết: Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Gia công chế biến một số nguyên liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng chi tiết: Sản xuất vật tư, y tế;
- Sản xuất hóa chất cơ bản chi tiết: Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt vi khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu chi tiết: Liên doanh, liên kết với tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, vật tư y tế, mỹ phẩm;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật chi tiết: dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Việt Hùng	Chủ tịch	29/04/2014	
Bà Mai Thị Bé	Phó Chủ tịch	29/04/2014	
Ông Trần Việt Trung	Thành viên	29/04/2014	
Ông Cao Tấn Tước	Thành viên	29/04/2014	
Ông Trần Văn Nhiều	Thành viên	29/04/2014	
Ông Lê Văn Thiện	Thành viên	29/04/2014	
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến	Thành viên	29/04/2014	

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Hoàng	Trưởng ban	29/04/2014	
Ông Lê Hữu Hùng	Thành viên	29/04/2014	
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên	29/04/2014	

4.3 Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Trần Việt Trung	Tổng Giám đốc	15/07/2014	
Ông Cao Tấn Tước	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Kế toán trưởng	01/08/2014	
Bà Mai Thị Bé	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2014	
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2014	
Ông Phan Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2014	
Ông Trà Quang Trinh	Phó Tổng Giám đốc	09/09/2014	
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	01/03/2016	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Việt Trung – Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 33.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

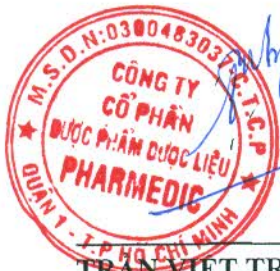
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2019. *ly*

TM. Ban Tổng Giám đốc *ly*



TRẦN VIỆT TRUNG

Tổng Giám đốc

Số: /19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic, được lập ngày tháng 3 năm 2019 (từ trang 08 đến trang 33), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 0967-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		302.753.170.501	277.295.251.642
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	169.939.889.304	95.853.949.695
111	1. Tiền		4.139.889.304	4.853.949.695
112	2. Các khoản tương đương tiền		165.800.000.000	91.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	47.500.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	-	47.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.267.766.079	41.748.136.686
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	39.282.695.738	33.491.606.985
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.459.682.179	6.773.843.083
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.192.510.658	2.106.738.405
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(667.122.496)	(624.051.787)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	89.056.723.699	90.195.718.147
141	1. Hàng tồn kho		89.056.723.699	90.195.718.147
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.488.791.419	1.997.447.114
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	1.488.791.419	1.997.447.114
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.761.811.319	55.150.661.411
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		49.643.654.019	52.664.571.352
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	45.694.701.565	48.673.979.981
222	- Nguyên giá		172.397.771.008	166.224.117.210
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(126.703.069.443)	(117.550.137.229)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	3.948.952.454	3.990.591.371
228	- Nguyên giá,		7.866.811.576	7.458.811.576
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.917.859.122)	(3.468.220.205)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.118.157.300	2.486.090.059
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	2.118.157.300	2.486.090.059
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		354.514.981.820	332.445.913.053

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ: 367 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		54.370.089.931	63.691.745.493
310	I. Nợ ngắn hạn		54.370.089.931	63.691.745.493
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	8.320.811.652	12.853.390.182
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	665.319.059	149.458.020
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	7.368.856.733	7.276.393.813
314	4. Phải trả người lao động	V.15	25.693.509.111	29.736.471.136
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	5.761.638.441	5.795.148.973
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	6.559.954.935	7.880.883.369
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn			
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		300.144.891.889	268.754.167.560
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	300.144.891.889	268.754.167.560
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		93.325.730.000	93.325.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		35.895.173.717	35.895.173.717
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		57.430.556.283	57.430.556.283
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		972.972.000	972.972.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		159.425.798.004	128.725.759.464
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.420.391.885	45.729.706.096
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		46.420.391.885	45.729.706.096
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		354.514.981.820	332.445.913.053

Người lập biểu



TRẦN MẠNH HƯNG

Kế toán trưởng



CAO TẤN TUỐC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2019



Tổng Giám đốc

ĐS TRẦN VIỆT TRUNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	454.897.208.893	429.783.268.337
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	324.863.860	181.095.390
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		454.572.345.033	429.602.172.947
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	277.099.158.877	249.746.332.360
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		177.473.186.156	179.855.840.587
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	7.093.577.955	5.865.193.756
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	39.909.473	141.723.992
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	50.065.258.577	50.524.808.510
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	42.422.313.923	43.718.377.438
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.039.282.138	91.336.124.403
31	11. Thu nhập khác	VI.8	1.318.927.976	1.698.720.795
32	12. Chi phí khác	VI.9	797.758.794	1.518.649.585
40	13. Lợi nhuận khác		521.169.182	180.071.210
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		92.560.451.320	91.516.195.613
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	18.911.486.435	18.778.916.517
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		73.648.964.885	72.737.279.096
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	5.761	5.690
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	5.761	5.690

Người lập biểu



TRẦN MẠNH HƯNG

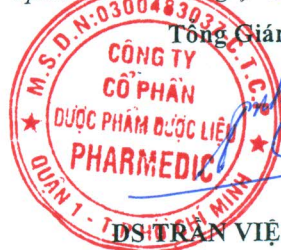
Kế toán trưởng



CAO TẤN TƯỚC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



ĐS: TRẦN VIỆT TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		92.560.451.320	91.516.195.613
	2. Điều chỉnh cho các khoản		4.005.354.512	5.199.238.607
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		11.457.209.175	11.183.971.904
03	- Các khoản dự phòng		43.070.709	76.064.055
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(12.898.793)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.494.925.372)	(6.047.898.559)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		96.565.805.832	96.715.434.220
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(562.700.102)	4.473.214.656
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.138.994.448	(16.472.789.843)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(8.126.453.876)	5.568.419.527
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		876.588.454	374.611.306
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.976.810.517)	(18.876.974.175)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21.180.993.790)	(20.748.325.304)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		49.734.430.449	51.033.590.387
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.436.291.842)	(19.826.933.567)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		460.909.091	251.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(72.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		47.500.000.000	47.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.034.016.281	5.796.080.377
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		46.558.633.530	(39.279.035.008)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.207.124.370)	(21.991.902.253)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(22.207.124.370)	(21.991.902.253)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		74.085.939.609	(10.237.346.874)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		95.853.949.695	106.091.142.046
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	154.523
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	169.939.889.304	95.853.949.695

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







TRẦN MẠNH HÙNG

CAO TẤN TƯỚC

ĐS TRẦN VIỆT TRUNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (tên giao dịch là: Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock Company, tên viết tắt là: PHARMEDIC JSC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển thể từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh Dược phẩm Dược liệu thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4261/QĐ-UB ngày 13 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế;
- Liên doanh, liên kết với tổ chức và các cá nhân ở trong và ngoài nước gia công chế biến một số nguyên phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống);
- In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy;
- Sản xuất, mua bán hoá chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng – diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có 606 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 612 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao ước tính
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
+ Máy móc và thiết bị	06-10
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính từ 03 đến 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài Chính từ 05 đến 08 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thực phẩm chức năng, mỹ phẩm,..) và doanh thu bán thành phẩm thuốc các loại:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản lỗ tỉ giá hối đoái.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 23.155 VNĐ/USD.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 23.155 VNĐ/USD.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.540 VNĐ/USD.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

▪ Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

▪ Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	1.524.366.429	916.139.211
1.2	Tiền gửi ngân hàng	2.615.522.875	3.937.810.484
1.3	Tiền và các khoản tương đương tiền	165.800.000.000	91.000.000.000
Tổng cộng		169.939.889.304	95.853.949.695

1.3 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền có kỳ hạn gửi NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	30.500.000.000	33.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Công thương Việt Nam	110.000.000.000	36.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	21.300.000.000	22.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng Quốc Dân	4.000.000.000	-
Cộng	165.800.000.000	91.000.000.000

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Công thương Việt Nam	-	47.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Đông Nam Á	-	-
Cộng	-	47.500.000.000

3. Phải thu của khách hàng

Là phải thu ngắn hạn chủ yếu về tiêu thụ thành phẩm dược phẩm.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	5.707.769.877	2.581.677.851
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)	5.707.769.877	2.581.677.851
Phải thu khách hàng khác	33.574.925.861	30.909.929.134
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng	1.421.379.414	1.084.288.842
- Công ty TNHH TMDV Dược phẩm Lộc Phúc	1.409.353.437	1.328.019.207
- Công ty TNHH Dược phẩm Anh Dũng	1.230.152.488	731.890.254
- Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	1.000.346.873	949.673.636
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacy	848.302.886	187.411.871
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	790.980.494	832.189.075
- Các đối tượng khác	26.874.410.269	25.796.456.249
Cộng	39.282.695.738	33.491.606.985

4. Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chủ yếu của việc mua nguyên liệu và mua thiết bị cho sản xuất.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.459.682.179	6.773.843.083
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Ô tô Trường Long	535.983.000	682.152.000
- Công ty TNHH MTV Dược Đỗ Quân	403.920.000	770.000.000
- Công ty TNHH TM DV Gold Seal	252.648.000	-
- Công ty TNHH Chính Quang	222.200.000	-
- Các đối tượng khác	1.044.931.179	5.321.691.083
Cộng	2.459.682.179	6.773.843.083

5. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.192.510.658	-	2.106.738.405	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	741.686.029	-	1.436.673.971	-
- Phải thu khác	450.824.629	-	670.064.434	-
Cộng	1.192.510.658	-	2.106.738.405	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
- Công ty TNHH Dược phẩm Khang Nhân	Trên 3 năm	195.838.789	-	Trên 3 năm	225.838.789	-
- Công ty CP Dược phẩm ADMK	Từ 6 tháng đến 3 năm	153.157.961	36.923.069	Từ 6 tháng đến 3 năm	179.226.057	90.068.891
- Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	355.048.814	358.482.631	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	559.199.095	250.143.263
Cộng		704.045.564	395.405.700		964.263.941	340.212.154

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(624.051.787)	-	(624.051.787)
Trích lập dự phòng bổ sung	(46.607.843)	-	(46.607.843)
Hoàn nhập dự phòng	3.537.135	-	3.537.135
Số cuối kỳ	(667.122.496)	-	(667.122.496)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7.1 Nguyên liệu, vật liệu	40.080.175.433	-	37.063.760.935	-
7.2 Công cụ, dụng cụ	531.688.126	-	786.362.401	-
7.3 Chi phí SXKD dở dang	5.776.497.459	-	6.843.941.222	-
7.4 Thành phẩm	40.776.163.124	-	43.186.597.917	-
7.5 Hàng hóa	1.892.199.557	-	2.315.055.672	-
Cộng	89.056.723.699	-	90.195.718.147	-

7.1 Nguyên liệu, vật liệu

Chủ yếu là nguyên vật liệu dùng cho sản xuất dược phẩm.

7.2 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Là nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm dở dang và vật liệu đưa đi gia công bao bì.

7.3 Thành phẩm

Chủ yếu là thành phẩm thuốc.

8. Chi phí trả trước

8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	1.355.348.215	1.898.271.819
- Chi phí bảo hiểm các loại	133.443.204	99.175.295
Cộng	1.488.791.419	1.997.447.114

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.997.447.114	1.787.424.333
Tăng trong kỳ	2.397.229.668	3.018.828.837
Phân bổ trong kỳ	(2.905.885.363)	(2.808.806.056)
Số dư cuối kỳ	1.488.791.419	1.997.447.114

8.2 Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn phân bổ.

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.486.090.059	3.070.724.146
Tăng trong kỳ	4.480.779.652	3.059.954.812
Phân bổ trong kỳ	(4.848.712.411)	(3.644.588.899)
Số dư cuối kỳ	2.118.157.300	2.486.090.059

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	29.437.496.753	110.125.337.068	24.060.395.633	2.600.887.756	166.224.117.210
2. Tăng trong năm	438.983.400	5.329.590.442	2.012.618.000	247.100.000	8.028.291.842
- Tăng do mua mới	438.983.400	5.329.590.442	2.012.618.000	247.100.000	8.028.291.842
3. Giảm trong năm	-	40.000.000	1.814.638.044	-	1.854.638.044
- Thanh lý, nhượng bán	-	40.000.000	1.814.638.044	-	1.854.638.044
4. Số dư cuối năm	29.876.480.153	115.414.927.510	24.258.375.589	2.847.987.756	172.397.771.008
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.934.108.383	58.974.987.020	5.989.156.620	1.823.697.029	77.721.949.052
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	22.225.697.287	77.428.297.636	15.650.155.288	2.245.987.018	117.550.137.229
2. Tăng trong năm	1.135.750.593	7.340.440.609	2.328.301.371	203.077.685	11.007.570.258
- Khấu hao trong năm	1.135.750.593	7.340.440.609	2.328.301.371	203.077.685	11.007.570.258
3. Giảm trong năm	-	40.000.000	1.814.638.044	-	1.854.638.044
- Thanh lý, nhượng bán	-	40.000.000	1.814.638.044	-	1.854.638.044
4. Số dư cuối năm	23.361.447.880	84.728.738.245	16.163.818.615	2.449.064.703	126.703.069.443
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	7.211.799.466	32.697.039.432	8.410.240.345	354.900.738	48.673.979.981
2. Tại ngày cuối năm	6.515.032.273	30.686.189.265	8.094.556.974	398.923.053	45.694.701.565

10. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	2.916.105.767	3.284.279.609	1.258.426.200	7.458.811.576
2. Tăng trong năm	-	408.000.000	-	408.000.000
- Tăng do mua mới	-	408.000.000	-	408.000.000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số cuối năm	2.916.105.767	3.692.279.609	1.258.426.200	7.866.811.576
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.511.264.878	1.258.426.200	2.769.691.078
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	466.576.920	1.743.217.085	1.258.426.200	3.468.220.205
2. Tăng trong năm	58.322.115	391.316.802	-	449.638.917
- Khấu hao trong năm	58.322.115	391.316.802	-	449.638.917
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số cuối năm	524.899.035	2.134.533.887	1.258.426.200	3.917.859.122
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	2.449.528.847	1.541.062.524	-	3.990.591.371
2. Tại ngày cuối năm	2.391.206.732	1.557.745.722	-	3.948.952.454

(*) Là giá trị quyền sử dụng đất của lô đất có diện tích 591,5 m², thời hạn sử dụng 50 năm, tọa lạc tại phường Đông Hưng Thuận, quận 12, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 830648 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2009.

11. Phải trả cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	387.462
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	-	387.462
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.320.811.652	12.853.002.720
- Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	3.064.293.524	2.981.205.070
- Công ty TNHH SX TM Hưng Thịnh	2.229.590.000	-
- Công ty TNHH TM Trương Song Long An	775.368.000	614.017.800
- Công ty TNHH SX TM Nhựa Cường Phát	494.802.000	127.962.450
- Các đối tượng khác	1.756.758.128	9.129.817.400
Cộng	8.320.811.652	12.853.390.182

12. Người mua trả tiền trước

Là khoản tiền ứng trước của khách hàng mua thành phẩm dược phẩm.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	36.391.953	-	4.758.601.179	(4.403.918.221)	391.074.911	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.137.229.352	(1.137.229.352)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	7.897.782	(7.897.782)	-	-
- Thuế TNDN	6.578.916.517	-	19.009.380.435	(18.976.810.517)	6.611.486.435	-
- Thuế TNCN	305.379.397	-	3.978.889.581	(3.918.938.391)	365.330.587	-
- Thuế tài nguyên	1.457.920	-	14.161.920	(14.655.040)	964.800	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
- Tiền thuê đất	354.248.026	-	1.227.483.252	(1.581.731.278)	-	-
- Thuế khác	-	-	26.539.063	(26.539.063)	-	-
Cộng	7.276.393.813	-	30.164.182.564	(30.071.719.644)	7.368.856.733	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu là dược phẩm 5%
- Thuế suất thuế GTGT tiêu thụ phế liệu, thanh lý tài sản cố định và các mặt hàng khác không phải là dược phẩm 10%
- Thuế suất thuế GTGT cho hàng xuất khẩu 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.560.451.320	91.516.195.613
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.996.980.854	2.390.044.966
- Các khoản điều chỉnh giảm		(11.657.993)
Thu nhập chịu thuế	94.557.432.174	93.894.582.586
Thu nhập tính thuế	94.557.432.174	93.894.582.586
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18.911.486.435	18.778.916.517
Thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Quyết định cơ quan thuế (*)	97.894.000	161.367.276
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.009.380.435	18.940.283.793

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo Quyết định số 7594/QĐ-CT ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	24.044.377.892	27.411.103.985
Tiền ăn giữa ca	388.890.000	379.625.000
Các khoản khác cho CBCNV	1.260.241.219	1.945.742.151
Cộng	<u>25.693.509.111</u>	<u>29.736.471.136</u>

Đơn vị trích lập quỹ lương theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/PMC-HĐQT ngày 01 tháng 08 năm 2014 về hệ số tính lương 56% trên Tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí chưa có lương.

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	5.761.638.441	5.795.148.973
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	248.603	96.708.600
- Nhận ký quỹ, ký cược	904.850.000	1.058.350.000
- Cổ tức phải trả	4.561.508.141	4.370.457.311
- Phải trả khác	295.031.697	269.633.062
Cộng	<u>5.761.638.441</u>	<u>5.795.148.973</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.852.057.000	11.033.591.864	(11.620.083.260)	4.265.565.604
Quỹ phúc lợi	1.887.989.733	5.148.609.537	(6.324.491.698)	712.107.572
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.140.836.636	3.677.863.955	(3.236.418.832)	1.582.281.759
Cộng	7.880.883.369	19.860.065.356	(21.180.993.790)	6.559.954.935

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	93.325.730.000	972.972.000	97.153.365.347	46.881.713.736	238.333.781.083
- Tăng trong năm trước	-	-	31.572.394.117	72.737.279.096	104.309.673.213
- Giảm trong năm trước	-	-	-	(73.889.286.736)	(73.889.286.736)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	93.325.730.000	972.972.000	128.725.759.464	45.729.706.096	268.754.167.560
- Tăng trong năm	-	-	30.700.038.540	73.648.964.885	104.349.003.425
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	-	73.648.964.885	73.648.964.885
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	30.700.038.540	-	30.700.038.540
- Giảm trong năm	-	-	-	(72.958.279.096)	(72.958.279.096)
Số dư cuối năm nay	93.325.730.000	972.972.000	159.425.798.004	46.420.391.885	300.144.891.889

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của cổ đông nhà nước Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)	43,44	40.543.090.000	40.543.090.000
- Vốn góp của cổ đông khác	56,56	52.782.640.000	52.782.640.000
Cộng	100,00	93.325.730.000	93.325.730.000

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	93.325.730.000	93.325.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	93.325.730.000	93.325.730.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(22.398.175.200)	(21.991.902.253)

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.332.573	9.332.573
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu phổ thông	9.332.573	9.332.573
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

17e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 20/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2018. Chi tiết như sau:

	Phân phối từ lợi nhuận năm 2017	Phân phối từ lợi nhuận năm 2018	Tổng cộng
• Chia cổ tức cho các cổ đông	13.065.602.200	9.332.573.000	22.398.175.200
• Trích quỹ đầu tư phát triển	30.700.038.540	-	30.700.038.540
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.964.065.356	17.896.000.000	19.860.065.356
Cộng	45.729.706.096	27.228.573.000	72.958.279.096

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**18a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	8.537,49	13.931,45
Euro (EUR)	1.035,07	1.045,99

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hoá	12.906.404.012	11.768.170.154
- Doanh thu bán thành phẩm	441.990.804.881	418.015.098.183
Cộng	454.897.208.893	429.783.268.337

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm cung cấp cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	21.977.401.804	38.184.082.535

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Hàng hóa bán bị trả lại	5.291.460	19.621.445
- Thành phẩm bán bị trả lại	319.572.400	161.473.945
Cộng	324.863.860	181.095.390

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hoá	10.585.527.308	9.670.067.012
- Giá vốn bán thành phẩm	266.513.631.839	240.076.265.348
Cộng	277.099.158.877	249.746.332.360

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.034.016.281	5.796.080.377
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.097.153	18.692.676
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	41.464.521	50.420.703
Cộng	7.093.577.955	5.865.193.756

5. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ.

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	28.713.798.148	30.398.749.324
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	1.329.982.492	1.652.154.069
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.678.887.954	1.652.164.144
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.032.411.619	1.962.017.187
- Các chi phí bằng tiền khác	16.310.178.364	14.859.723.786
Cộng	50.065.258.577	50.524.808.510

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	29.989.488.600	31.890.550.207
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	969.261.690	1.012.462.268
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.168.546.000	1.221.561.042
- Thuế, phí và lệ phí	1.242.475.979	1.304.625.234
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.074.225.250	3.119.718.210
- Các chi phí bằng tiền khác	4.978.316.404	5.169.460.477
Cộng	42.422.313.923	43.718.377.438

8. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Nhượng bán TSCĐ	460.909.091	251.818.182
- Nhượng bán nguyên phụ liệu	726.880.353	1.308.858.154
- Thu nhập khác	131.138.532	138.044.459
Cộng	1.318.927.976	1.698.720.795

9. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhượng bán phụ liệu	667.321.081	1.123.757.998
- Chi phí khác	130.437.713	394.891.587
Cộng	797.758.794	1.518.649.585

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.648.964.885	72.737.279.096
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(19.885.220.519)	(19.635.959.419)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.763.744.366	53.101.319.677
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.332.573	9.332.573
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	5.761	5.690

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 là 27% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	73.648.964.885	72.737.279.096
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi		
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(19.885.220.519)	(19.635.959.419)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	53.763.744.366	53.101.319.677
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	9.332.573	9.332.573
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	5.761	5.690

(*) Số quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 là số tạm tính, tương ứng với tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 là 27% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	9.332.573	9.332.573
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Trái phiếu chuyển đổi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
- Các quyền chọn đã được mua	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.332.573	9.332.573

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.055.274.890	159.141.219.895
- Chi phí nhân công	128.018.032.294	127.809.129.454
- Chi phí công cụ, dụng cụ	2.022.532.074	6.562.910.213
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.457.209.175	11.183.971.902
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.156.452.481	13.307.246.227
- Chi phí bằng tiền khác	25.504.872.488	24.001.367.257
Cộng	356.214.373.402	342.005.844.948

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2a. *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.113.283.000	3.100.000.000
Tiền thưởng	2.046.882.602	1.600.000.000
Cổ tức	363.004.800	363.004.800
Cộng	5.523.170.402	5.063.004.800

2b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO) là Cổ đông lớn nhất với tỷ lệ góp vốn vào Công ty là 43,44%.

Các giao dịch với Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn trong kỳ như sau:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Mua nguyên liệu (*)	2.237.853.212	941.093.746
- Tiêu thụ thành phẩm (*)	43.558.888.849	40.093.286.678
- Thu tiền tiêu thụ thành phẩm	40.432.796.823	39.383.824.558
- Chi trả cổ tức	9.730.341.600	9.730.341.600

(*) Giá bán các sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2c. Số dư với bên liên quan

Xem thuyết minh tại mục *V.3 – Phải thu khách hàng*

Xem thuyết minh tại mục *V.II – Phải trả người bán ngắn hạn*

3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hóa.
- Kinh doanh thành phẩm.

	Kinh doanh hàng hóa	Kinh doanh thành phẩm	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần	12.901.112.552	441.671.232.481	454.572.345.033
Giá vốn hàng bán	10.585.527.038	266.513.631.839	277.099.158.877
Lãi gộp	2.315.585.513	175.157.600.643	177.473.186.156
Năm trước			
Doanh thu thuần	11.748.548.709	417.853.624.238	429.602.172.947
Giá vốn hàng bán	9.670.067.012	240.076.265.348	249.746.332.360
Lãi gộp	2.078.481.697	177.777.358.890	179.855.840.587

Khu vực địa lý

Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2019.

Người lập biểu



TRẦN MẠNH HƯNG

Kế toán trưởng



CAO TÂN TƯỚC

Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT TRUNG